

Cẩm Phả, ngày 14 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin trân trọng thông báo và kính mời Quý vị cổ đông Công ty tới dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- 1. Thời gian:** Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 5 năm 2023 (Thứ Bảy).
- 2. Địa điểm:** Tại Hội trường tầng 2-Nhà sinh hoạt công nhân Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin. Phường Cẩm Phú-thành phố Cẩm Phả-tỉnh Quảng Ninh.

3. Thành phần tham dự

Các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty tại thời điểm chốt danh sách (ngày 15/3/2023) do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho Công ty. Cổ đông không đến dự có thể uỷ quyền cho người khác và việc uỷ quyền phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty.

4. Nội dung Đại hội: Thảo luận và biểu quyết thông qua các vấn đề sau

- 4.1. Chương trình đại hội; Quy chế đại hội.
- 4.2. Báo cáo kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023.
- 4.3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.
- 4.4. Báo cáo phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022.
- 4.5. Báo cáo chi trả tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, BKS và người quản lý Công ty năm 2022; chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2022; đề xuất chi trả tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng của các thành viên HĐQT, BKS và người quản lý Công ty năm 2023; chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2023.
- 4.6. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2022; phương hướng nhiệm vụ năm 2023.
- 4.7. Báo cáo thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan năm 2022 và kế hoạch 2023.
- 4.8. Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty, gồm:
 - a) Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2022.
 - b) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và từng thành viên BKS năm 2022; phương hướng nhiệm vụ năm 2023.
 - c) Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính năm 2022.

4.9. Báo cáo đề nghị lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

4.10. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

4.11. Thông qua Nghị quyết, biên bản Đại hội.

5. Đăng ký tham dự Đại hội

Để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên được chu đáo, kính đề nghị Quý vị cổ đông gửi giấy xác nhận đăng ký (hoặc giấy uỷ quyền) tham dự Đại hội (theo mẫu) về Công ty trước ngày 03/5/2023 qua đường bưu điện/gửi trực tiếp/Fax theo địa chỉ:

Phòng Tổ chức Lao động (bộ phận TCCB) Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin.

Phường Cẩm Phú – thành phố Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 02.033.865508

Fax: 02.033.863936

6. Tài liệu gửi các cổ đông

- Mẫu giấy xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông, giấy uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Các tài liệu, thông tin về Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2023 quý vị Cổ đông nhận tại Phòng TCLĐ (bộ phận TCCB) Công ty theo địa chỉ trên hoặc truy cập vào Website: www.Cocsau.com.

* **Lưu ý:** Trường hợp cổ đông không trực tiếp đến dự họp được có thể uỷ quyền cho người đại diện của mình đến dự hoặc uỷ quyền cho một trong số các thành viên HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin làm người đại diện và gửi đến địa chỉ như đã nêu ở Mục 5 thông báo này.

- Cổ đông đến dự Đại hội tự lo ăn ở, phương tiện đi lại.

Đề nghị các Cổ đông hoặc người được uỷ quyền khi đi dự Đại hội mang theo tài liệu, giấy mời này, chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giấy uỷ quyền tham dự Đại hội.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- UBCKNN,SGDHNX,TTLKCKVN (B/c);

- Các cổ đông Công ty;

- Lưu VT, HĐQT, BKS, TCLĐ, Ph(....).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Thế Thành

SCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày.....tháng.....năm 2023

GIẤY XÁC NHẬN
Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

- Họ và tên cổ đông:.....
- Địa chỉ:.....
- Số CMTND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Cấp ngày:.....
- Nơi cấp:.....(hoặc) Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
.....do:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....
- Điện thoại:..... FAX:.....Email:.....
- Mã số cổ đông:.....Sở hữu:.....cổ phần phổ thông.
- Bảng chữ:.....
- Số cổ phần được uỷ quyền đi dự Đại hội (nếu có):.....(có giấy uỷ quyền kèm theo).
- Tổng số cổ phần đi dự Đại hội:.....
- Bảng chữ:.....

Tôi/Chúng tôi đã nhận được thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin, nay xác nhận tham dự Đại hội.

Trân trọng thông báo để Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông biết và tổng hợp./.

CỔ ĐÔNG

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu
nếu là cổ đông tổ chức)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày.....tháng.....năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN
Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Tên cổ đông:.....

Số CMTND/CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....FAX:.....Email:.....

Mã số cổ đông:.....

Sở hữu:..... cổ phần phổ thông.

Bằng chữ:.....

Do không có điều kiện tham dự trực tiếp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty, nay Tôi ủy quyền cho Ông (Bà):.....

Số CMTND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....FAX:.....Email:.....

Số cổ phần ủy quyền:.....Bằng chữ:.....

.....

Được thay mặt Tôi tham dự, biểu quyết các vấn đề có liên quan tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin năm 2023 với tư cách là đại diện cho số cổ phần mà tôi ủy quyền ở trên.

Người được Tôi ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo kết quả Đại hội cho tôi biết.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin năm 2023 và được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu
nếu cổ đông là tổ chức)

Cầm Phả, ngày 14 tháng 4 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin năm 2023
(Bắt đầu từ 08 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 5 năm 2023)

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
1	8h00"÷8h10"	- Đăng ký cổ đông, phát thẻ biểu quyết.	Ông Nguyễn Hữu Quang TB Kiểm tra tư cách CD
2	8h10"÷8h15"	- Ôn định tổ chức, chào cờ, hát quốc ca; tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, mời chủ tọa lên khai mạc và điều hành Đại hội.	Ông Phạm Việt Thắng Chánh Văn phòng
3	8h15"÷8h20"	- Khai mạc Đại hội. - Cử thư ký Đại hội và tổ giúp việc Đại hội.	Ông Trần Thế Thành CT HĐQT Công ty
4	8h20"÷8h25"	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.	Ông Nguyễn Hữu Quang TB Kiểm tra tư cách CD
5	8h25"÷8h45"	- Trình bày quy chế và chương trình làm việc của Đại hội.	Ông Phạm Việt Thắng Chánh Văn phòng
		- Biểu quyết thông qua quy chế và chương trình làm việc của Đại hội.	Ông Trần Thế Thành CT HĐQT Công ty
6	8h45"÷9h10"	- Báo cáo hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch năm 2023.	Ông Nguyễn Văn Thuấn TV HĐQT- Giám đốc Công ty
7	9h10"÷9h30"	- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.	Ông Phạm Thanh Phương Kế Toán trưởng
		- Báo cáo phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022.	
		- Báo cáo chi trả tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, BKS và người quản lý Công ty năm 2022; chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2022. Đề xuất tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng của thành viên HĐQT, BKS và người quản lý Công ty năm 2023; chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2023.	
8	9h30"÷9h55"	- Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2022; phương hướng nhiệm vụ năm 2023.	Ông Lưu Hoàng Sinh Thành viên HĐQT độc lập
		- Báo cáo thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan năm 2022 và kế hoạch năm 2023.	
9	9h55"÷10h20"	Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty	Bà Nguyễn Thị Lương Anh Trưởng ban Kiểm soát
		- Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2022. - Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS năm 2022; phương hướng nhiệm vụ năm 2023.	

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
		- Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2022. - Báo cáo đề nghị lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.	Bà Nguyễn Thị Lương Anh Trưởng ban Kiểm soát
		- NGHỈ GIẢI LAO 15 PHÚT-	
10	10h35"÷11h05"	Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết các nội dung: - Báo cáo hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch năm 2023. - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022. - Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023. - Báo cáo chi trả tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, BKS và người quản lý Công ty năm 2022; chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2022. Đề xuất tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng của thành viên HĐQT, BKS và người quản lý Công ty năm 2023; chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2023. - Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT năm 2022; phương hướng nhiệm vụ năm 2023. - Báo cáo thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan năm 2022 và kế hoạch năm 2023. Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty: - Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2022. - Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS năm 2022; phương hướng nhiệm vụ năm 2023. - Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2022. - Báo cáo lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.	Ông Trần Thế Thành CT HĐQT Công ty
11	11h05"÷11h15"	- Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội. - Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.	Thư ký Đại hội
12	11h15"	- Tuyên bố kết thúc Đại hội.	Chủ tọa Đại hội

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, TCLĐ, Ph(.....).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Thế Thành



DANH MỤC TÀI LIỆU

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin

(Tổ chức vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 06/5/2023 (Thứ Bảy) tại Hội trường Tầng 2,
Nhà sinh hoạt công nhân Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin)

TT	DANH MỤC TÀI LIỆU	GHI CHÚ
1	Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	
2	Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.	
3	Báo cáo hoạt động SXKD năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2023.	
4	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.	
5	Tờ trình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022.	
6	Báo cáo chi trả tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với các thành viên HĐQT, BKS và người quản lý Công ty năm 2022; chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2022; đề xuất tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng của các thành viên HĐQT, BKS và người quản lý Công ty năm 2023 và chi trả phụ cấp của thành viên HĐQT độc lập năm 2023.	
7	Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2022; phương hướng nhiệm vụ năm 2023.	
8	Báo cáo thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan năm 2022 và kế hoạch năm 2023.	
9	Báo cáo của BKS Công ty về: - Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2022. - Báo cáo tự đánh giá hoạt động của BKS năm 2022; phương hướng năm 2023. - Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2022.	
10	- Báo cáo đề xuất lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.	
11	- Dự thảo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2023.	
12	- Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2023.	

Số: /QC-TCS

Cám Phả, ngày 14 tháng 4 năm 2023

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin đã được sửa đổi, bổ sung và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 22/4/2021;

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin trình Đại hội thông qua quy chế làm việc như sau:

Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thành công tốt đẹp, Đại hội đưa ra được những quyết nghị đúng đắn, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

Điều 2. Tư cách cổ đông tham dự Đại hội

Cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền dự Đại hội phải có đủ các điều kiện sau:

1. Cổ đông có quyền đi dự Đại hội phải là người có trong danh sách quyền cổ đông tham dự đại hội cổ đông năm 2023 do TTLK Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 15/3/2023 cấp cho Công ty.
2. Cổ đông hoặc người đại diện đi dự Đại hội phải là người đã đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức trước ngày 19/4/2023.
3. Cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền đến dự Đại hội phải xuất trình cho BTC những giấy tờ sau: giấy CMTND/CCCD/hộ chiếu, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu người đại diện đi dự Đại hội là cổ đông tổ chức; giấy uỷ quyền dự họp bản gốc.

Điều 3. Trật tự của Đại hội

1. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định; tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.
2. Không mang các vật nguy hiểm, chất độc hại, chất nổ, chất dễ cháy vào phòng họp và không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
3. Trang phục đi dự Đại hội: trang trọng, lịch sự.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ rung. Nếu có nhu cầu giao dịch qua điện thoại thì phải ra ngoài phòng họp để không làm ảnh hưởng đến Đại hội.

Điều 4. Tỷ lệ dự họp và biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

2. Nguyên tắc

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết của tất cả các cổ đông. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin.

3. Cách biểu quyết

Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành và không có ý kiến*) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết thông qua một vấn đề, các cổ đông đồng ý sẽ thực hiện giơ thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội.

4. Thẻ lệ biểu quyết

a) Một cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện tương ứng với một phiếu biểu quyết (Ví dụ thẻ biểu quyết của Đại biểu cổ đông được ghi là 10.000 cổ phần, tức là cổ đông đó có 10.000 phiếu biểu quyết).

b) Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại.
- Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh.
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp.
- Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.
- Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.
- Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty.
- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.

c) Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này) được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 5. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

Điều 6. Trách nhiệm của Chủ tọa

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình Đại hội.

Điều 7. Trách nhiệm của Thư ký

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 8. Trách nhiệm của Ban Kiểm phiếu

1. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
2. Nhanh chóng thông báo cho Ban thư ký kết quả biểu quyết.

Điều 9. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS Công ty (B/c);
- Các cổ đông của Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, TCLĐ, Ph(...).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Thế Thành

Cám Phả, ngày 14 tháng 4 năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022
và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2023**

Phần thứ Nhất

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2022 là năm Công ty tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn trong khai thác làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD: thời tiết diễn biến bất thường cực đoan (mưa sớm vũ lượng lớn hơn so với các năm trước, năm 2022 có 121 ngày mưa = vũ lượng 3.181 mm, mùa mưa kết thúc muộn trong quý 4 làm rút ngắn thời gian khai thác khu vực đáy mỏ); trong điều kiện khai trường đang khai thác đến giới hạn kết thúc đáy mỏ mức -300m và trong giai đoạn kết thúc Dự án mỏ lộ thiên; điều kiện khai trường rất khó khăn, khối lượng mỏ tập trung tại các tầng thấp, diện khai thác hẹp, chiều cưa nhỏ, độ dốc dọc đường lớn, độ cao nâng tải cao, thiết bị vận tải cũ không được đầu tư mới, hoạt động trong điều kiện khó khăn dưới thấp làm tăng mức chi phí tiêu hao vật tư, nhiên liệu, đặc biệt giá nhiên liệu và phụ tùng vật tư năm 2022 tăng cao; chất lượng than nguyên khai khai thác chủ yếu là than có chất lượng xấu, phát sinh các yếu tố công nghệ làm tăng chi phí sản xuất đã làm ảnh hưởng đến doanh thu và cân đối tài chính của Công ty.

Đứng trước khó khăn và thử thách trên, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ; sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc cùng với sự đồng thuận của các tổ chức đoàn thể. Công ty đã nỗ lực, phát huy cao độ tinh thần đoàn kết, kỷ luật và đồng tâm, cơ bản hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022 theo kế hoạch điều chỉnh, bảo toàn vốn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHỦ YẾU NĂM 2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2022				
			KẾ HOẠCH ĐÁU NĂM	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ % SO VỚI	
						KH ĐẦU NĂM	KHDC
1	Đất đá bóc xúc	M ³	22.230.000	15.450.000	15.471.816	69,60	100,14
2	Than sản xuất	Tấn	3.000.000	2.200.000	2.355.523	78,52	107,07
a	Than khai thác bóc vỉa	Tấn	1.900.000	1.200.000	1.201.796	63,25	100,15
b	Than sạch từ ĐDLT	Tấn	1.100.000	1.000.000	1.153.727	104,88	115,37
3	Hệ số bóc đất sản xuất	M ³ /tấn	11,70	12,88	12,87	110,00	99,92
4	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	2.980.000	2.512.000	2.544.079	85,37	101,28
5	Doanh thu tổng số	Tr.đ	3.153.614	3.239.426	3.249.216	103,03	100,30
-	Trong đó: D.thu than	Tr.đ	3.153.614	3.239.426	3.225.665	102,28	99,58
6	Giá trị đầu tư XD CB	Tr.đ	16.633	12.221	10.265	61,71	84,0
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	24.616	47.911	2.170	8,82	4,53
8	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/tháng	9.902	10.878	8.828	89,15	81,15

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MẶT QUẢN LÝ NĂM 2022

1. Công tác điều hành sản xuất và kỹ thuật công nghệ

- Trong năm Công ty đã tập trung chỉ đạo, thực hiện các phương án hạ moong, khai thác than 6 tháng đầu năm, phương án khai thác trong mùa mưa và phương án khai thác than quý IV/2022; thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn khu vực đáy moong.

- Công tác quản lý kỹ thuật khai thác cơ bản thực hiện đảm bảo theo đúng quy định; đã tập trung cải thiện các điều kiện khai thác, điều kiện làm việc; trong đó đã tập trung bóc đất, giảm tải tại các khu vực trung tâm, mở diện khai thác than khu vực moong; duy trì đồ thái hợp lý, linh hoạt. Thực hiện xử lý khu vực tụt lở bờ mỏ cánh Bắc, cánh Nam.

- Công tác điều hành sản xuất: Cơ bản thực hiện theo đúng các quy định, giữ vững kỷ luật điều hành. triển khai thực hiện các giải pháp điều hành sản xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, nâng cao năng suất lao động.

- Chỉ đạo điều hành hợp lý giữa khâu sản xuất, công nghệ và tiêu thụ; tăng cường sản xuất, chế biến than sạch từ SPNT phục vụ tiêu thụ.

- Tổ chức sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu thiết bị theo kế hoạch. Trong năm Công ty đã cân đối năng lực sản xuất và đưa 06 máy xúc điện, 04 máy khoan điện, 13 thiết bị vận tải và 04 thiết bị công tác khác vào niêm cất và tổ chức thanh lý.

- Ứng dụng tin học hóa, tự động hóa trong SXKD: Công ty quản lý, theo dõi sử dụng, phát huy hiệu quả 232 thiết bị GPS, 180 cảm biến nhiên liệu, 44 camera, tự động hóa khâu bơm nước moong và hệ thống bơm nước dập bụi trên khai trường. Tổ chức triển khai công tác nhật lệnh sản xuất, giao việc trực tuyến bằng phần mềm từ ngày 01/10/2022.

- Công tác quản lý, mua bán, sử dụng vật tư phục vụ yêu cầu sản xuất được thực hiện đúng theo các quy chế, quy định của Nhà nước, của Tập đoàn và Công ty.

- Tổ chức thi công hoàn thành các công trình thoát nước, PCMB theo kế hoạch; thực hiện cơ bản tốt các biện pháp phòng, chống mưa bão theo phương án. Chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác PCMB, PCTT, TKCN.

- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên theo quy định.

2. Công tác tổ chức, tái cơ cấu, sử dụng lao động

- Công ty tập trung thực hiện các nội dung theo Đề án tái cơ cấu Công ty; tiếp tục rà soát, sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Công ty hiện còn 13 công trường, phân xưởng, 13 phòng quản lý đảm bảo theo mô hình của Tập đoàn TKV.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động. Năm 2022 Công ty giảm tuyệt đối được 105 lao động, tổng số lao động đến 31/12/2022 là 2.114 người (nữ 432).

- Cân đối, sắp xếp lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động. Lao động bình quân năm 2022 giảm 4,45% so với năm 2021.

- Công ty tiếp tục triển khai thực hiện một số nội dung công việc theo chương trình, kế hoạch Tái cơ cấu Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin. Rà soát, thanh lý tài sản, xử lý tồn đọng liên quan đến tài sản, đất đai, tài chính... theo chỉ đạo của TKV.

- Thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ theo quy định; quy hoạch cán bộ lãnh đạo giai đoạn 2025-2030; rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý Công ty giai đoạn 2020-2025.

3. Công tác quản lý kinh tế, tài chính

- Trong năm Công ty đã xây dựng và thực hiện các kế hoạch, phương án điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thực tế sản xuất và tiêu thụ.

- Công ty đã phối hợp cùng Công ty tư vấn rà soát hoàn thiện Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch 05 năm giai đoạn 2020-2024, đề xuất và triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch giai đoạn 2022-2025 phù hợp với giai đoạn kết thúc Mỏ than Cọc Sáu để báo cáo Tập đoàn TKV.

- Tổ chức giao khoán chi phí năm 2022 cho các bộ phận, đơn vị trong Công ty; đánh giá từng tháng, quý để đề ra các giải pháp thực hiện.

- Rà soát, sửa đổi, ban hành một số quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu nhiệm vụ. Phối hợp với Viện Khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin khảo sát xây dựng và ban hành tạm thời “Bộ định mức tiêu hao vật tư chủ yếu cho thiết bị Cơ điện Vận tải trong nội bộ Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin”.

- Thực hiện công tác kế toán, thống kê, tài chính theo quy định; Công ty nộp đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước: 594 tỷ 786 triệu đồng.

4. Công tác chăm lo đời sống cho người lao động

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; tạo đủ việc làm, ổn định đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Tổ chức tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho CBCN; triển khai thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo của các cấp.

- Tổ chức phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất hướng về mục tiêu “*An toàn - Phát triển - Hiệu quả*”. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền; duy trì các phong trào văn hóa, thể thao.

- Tham gia công tác đền ơn đáp nghĩa, các cuộc vận động xã hội từ thiện do các cấp phát động, với tổng số tiền 1 tỷ 726 triệu đồng.

5. Công tác đầu tư, quản lý đất đai

- Công ty cân đối, điều chỉnh các dự án đầu tư phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Trong năm Công ty đã triển khai thực hiện 03 dự án chuyển tiếp của năm 2021 và 01 dự án khởi công mới. Tổng giá trị đầu tư thực hiện năm 2022 là 10 tỷ 265 triệu đồng, đạt 84% kế hoạch điều chỉnh năm 2022.

- Thực hiện nghiêm công tác quản lý, sử dụng đất đai theo đúng quy định. Trong năm Công ty đã triển khai rà soát công tác quản lý đất đai, hoàn thiện các thủ tục pháp lý đất đai được giao quản lý, đất thuê; hoàn thành gia hạn thời gian sử dụng đất khu vực khai trường.

- Tiếp tục phối hợp với địa phương giải quyết giải phóng mặt bằng phục vụ đổ thải; triển khai thực hiện các bước liên quan đến bàn giao cụm dân cư khu bãi biển 10/10 theo quy định của pháp luật.

6. Công tác an ninh trật tự, An toàn-VSLĐ

- Năm 2022 Công ty tăng cường chỉ đạo và thực hiện nhiều biện pháp trong công tác bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, tài nguyên, ranh giới mỏ; bổ sung các biện pháp trong công tác bảo vệ than đầu nguồn và tiêu thụ than. Thực hiện tốt các quy chế phối hợp bảo vệ an ninh trật tự với Công an và Chính quyền địa phương trên địa bàn. Tình hình an ninh trật tự trong năm cơ bản ổn định.

- Tập trung chỉ đạo và thực hiện quyết liệt các giải pháp đảm bảo an toàn, cải thiện các điều kiện làm việc; bổ sung ban hành một số quy định, quy trình kỹ thuật an toàn cho phù hợp với thiết bị và điều kiện sản xuất.

IV. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ NĂM 2022

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2022, trong năm qua Công ty đã nỗ lực phấn đấu thực hiện cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2022 theo kế hoạch điều chỉnh, bảo toàn vốn.

Riêng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2022 không đạt theo kế hoạch điều chỉnh: chỉ đạt 2,170 tỷ đồng/Kế hoạch điều chỉnh 47,911 tỷ đồng = 4,53 %. Nguyên nhân chủ yếu do: điều kiện khai thác rất khó khăn; mưa sớm vũ lượng lớn hơn so với các năm trước, mùa mưa kết thúc muộn trong quý IV làm rút ngắn thời gian khai thác đáy mỏ; chất lượng than nguyên khai không đạt kế hoạch; diện khai thác hẹp, chiều cưa nhỏ, độ dốc dọc đường lớn, độ cao nâng tải cao; thiết bị cũ không được đầu tư mới, hoạt động trong điều kiện khó khăn dưới thấp làm tăng chi phí tiêu hao định mức và tăng chi phí sản xuất... dẫn đến chi phí sản xuất tăng cao, làm giảm hiệu quả SXKD năm 2022.

Phần thứ Hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2023

I.1. Mục tiêu chung: “An toàn - Phát triển - Hiệu quả”

I.2. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu năm 2023

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG
1	Đất đá bóc xúc	M ³	17.800.000
2	Than nguyên khai	Tấn	1.510.000
3	Than sạch từ sản phẩm ngoài than	Tấn	400.000
*	Hệ số bóc	M ³ /tấn	11,79
4	Than tiêu thụ	Tấn	1.907.000
5	Doanh thu tổng số	Tr.đ	2.722.628
	Trong đó: Doanh thu than	Tr.đ	2.722.628
6	Kế hoạch đầu tư xây dựng	Tr.đ	12.534
7	Kế hoạch tuyển dụng lao động	Người	72
8	Tiền lương bình quân	1.000đ/người/tháng	10.253
9	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	40.389
10	Dự kiến chi trả cổ tức	%	≥ 3

Năm 2023 dự báo là năm còn gặp nhiều khó khăn, thách thức mới: Điều kiện khai thác và khai trường sản xuất của Công ty ngày càng khó khăn, đáy móng tiếp xuống sâu hơn, diện khai thác hẹp, độ cao nâng tải và cung độ vận chuyển lớn, địa chất phức tạp, tài nguyên khó khăn; tình hình thời tiết diễn biến khó lường... để thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, Công ty đề ra một số giải pháp trọng tâm sau đây:

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2023

1. Các giải pháp về kỹ thuật công nghệ

- Tập trung chỉ đạo, thực hiện hoàn thành kế hoạch hạ moong năm 2023 đảm bảo đủ than phục vụ tiêu thụ và chuẩn bị điều kiện cho kỳ hạ moong tiếp theo: **Tổ chức phát động và thực hiện hiệu quả Chiến dịch thi đua 180 ngày đêm - Quyết tâm phấn đấu 6 tháng đầu năm chỉ tiêu than nguyên khai $\geq 60\%$ kế hoạch năm 2023.** Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các phương án kỹ thuật hàng kỳ phù hợp với từng giai đoạn đảm bảo tính khả thi; bám sát kế hoạch dài hạn 2023-2025 điều chỉnh.

- Tập trung bóc đất mở diện trực tiếp giảm tải các tầng trọng tâm khu vực moong; tổ chức triển khai phương án xử lý tụt lở bờ mỏ cánh Nam moong khu vực các máy xúc niêm cất phục vụ công tác mở diện giảm tải, công tác thoát nước PCMB năm 2023. Thực hiện các biện pháp ổn định bờ mỏ.

- Tiếp tục tập trung cải thiện các điều kiện làm việc; mở rộng mặt đường và nâng cao chất lượng các tuyến đường vận chuyển chính, các tuyến đường ra bãi thải có mật độ xe đông để nâng cao năng suất thiết bị, đảm bảo an toàn.

- Nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác khoan nổ mìn. Tiếp tục quy hoạch hệ thống tầng công tác phù hợp với đồng bộ thiết bị xúc, vận tải, đặc biệt cải tạo điều kiện cho các thiết bị lớn (xúc, ô tô) hoạt động có hiệu quả.

- Thực hiện chặt chẽ hiệu quả các biện pháp quản trị tài nguyên, nâng cao chất lượng than khai thác, giảm tỷ lệ tổn thất than; chuẩn bị kịp thời chân hàng phục vụ tiêu thụ. Chủ động điều hành và kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ hàng kỳ để đạt kế hoạch độ tro than khai thác năm 2023.

- Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các phương án thoát nước, phòng chống mưa bão, trong đó đặc biệt chú trọng việc phân tán lượng nước hợp lý tại các hệ thống mương để giảm tối đa lượng nước mưa chảy xuống moong, giảm lượng bùn đất trôi lấp xuống đáy mỏ và bảo vệ khai trường trường sản xuất, đặc biệt hệ thống mương cánh phía Bắc và cánh phía Nam.

2. Các giải pháp trong tổ chức điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Cân đối năng lực thiết bị và lao động để xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, tiêu thụ từng tháng, từng quý nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất và hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2023. Phấn đấu 6 tháng đầu năm các chỉ tiêu chính đạt $\geq 50 \div 52\%$ kế hoạch năm 2023 (riêng than nguyên khai $\geq 60\%$).

- Chủ động cân đối sản xuất, tiêu thụ phù hợp với diễn biến của thị trường, điều kiện thời tiết để đảm bảo hiệu quả sản xuất. Khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống sàng tuyển hiện có của Công ty. Tổ chức sản xuất, chế biến các chủng loại than có chất lượng theo yêu cầu của thị trường, đảm bảo hoàn thành kế hoạch tiêu thụ và doanh thu.

- Chỉ đạo, tổ chức sản xuất theo đúng hướng kỹ thuật. Thực hiện nghiêm kỷ luật điều hành; nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất, bố trí thiết bị hợp lý, đảm bảo thiết bị hoạt động có hiệu quả, tăng giờ hoạt động hữu ích của thiết bị. Chỉ đạo, thực hiện đồng bộ các giải pháp trong tổ chức sản xuất, sửa chữa thiết bị để nâng cao năng suất thiết bị.

3. Công tác quản lý, sửa chữa vận hành thiết bị

- Chỉ đạo và thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng công tác quản lý, sửa chữa thiết bị; tiếp tục có các giải pháp đổi mới trong công tác sửa chữa thiết bị nhằm đáp ứng được yêu cầu sản xuất; đặc biệt kiểm soát việc huy động, sử dụng thiết bị hàng ngày, hàng tháng, hàng quý đảm bảo hiệu quả.

- Phân loại và sử dụng hiệu quả các thiết bị hiện có; tiếp tục rà soát đưa vào niêm cất, thanh lý các thiết bị cũ hoạt động không hiệu quả.

- Tổ chức chặt chẽ công tác quản lý, sử dụng, mua bán vật tư thiết bị, nhiên liệu theo đúng quy định, đảm bảo tỷ lệ tồn kho vật tư phù hợp để tiết kiệm chi phí nhưng không gây ách tắc sản xuất.

4. Công tác An toàn-VSLĐ, an ninh trật tự

- Tăng cường tổ chức thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; nâng cao chất lượng, kiểm tra, giám sát về thực hiện các quy trình, quy phạm an toàn trong sản xuất, nâng cao công tác tự chủ an toàn của CBCN. Mục tiêu trong năm 2023 Công ty không để xảy ra tai nạn lao động, sự cố thiết bị, sự cố cháy nổ nghiêm trọng; không để xảy ra sạt lở bờ mỏ.

- Chủ động xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa; tăng cường kiểm tra, kiểm soát bảo vệ an ninh trật tự, nhất là công tác bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ, khai thác, chế biến và tiêu thụ than, khoáng sản. Phối hợp chặt chẽ với địa phương, các đơn vị trong khu vực đảm bảo ổn định an ninh trật tự trên địa bàn.

5. Công tác đầu tư, bảo vệ môi trường

- Cân đối tổ chức thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư năm 2023. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện quyết toán Dự án đầu tư XDCT Mỏ than Cọc Sáu. Phối hợp với địa phương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, thuê đất phục vụ đổ thải. Thực hiện các bước để bàn giao cụm dân cư khu bãi biển 10/10 theo quy định.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện áp dụng Tin học hóa, Tự động hóa trong sản xuất kinh doanh một số khâu. Khai thác sử dụng hiệu quả các hệ thống GPS, cảm biến nhiên liệu, camera trong quản lý và điều hành sản xuất.

- Chủ động ứng phó và thực hiện các biện pháp phòng chống diễn biến bất thường, cực đoan của thời tiết.

- Chỉ đạo, thực hiện hiệu quả công tác tưới nước dập bụi trên khai trường mỏ và các khu vực gần khu vực dân cư. Đặc biệt khai thác sử dụng hiệu quả các hệ thống phun sương dập bụi và kiểm soát môi trường tại khu vực Sàng 1, cầu thải và bãi thải Đông Cao Sơn.

6. Công tác tổ chức, tái cơ cấu, phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu tổ chức bộ máy và lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả; thực hiện tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động theo định mức, định biên lao động của TKV.

- Cân đối thực hiện xã hội hóa một số công việc phục vụ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Tiếp tục triển khai Phương án tái tuyển đối với thợ sửa chữa thiết bị mỏ đã nghỉ chế độ, đặc biệt là thợ bậc cao.

- Cân đối tuyển dụng, sắp xếp lao động hợp lý với kế hoạch sản lượng để đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động. Chú trọng công tác đào tạo để nâng cao trình độ cho CBCN, nhất là tổ chức đào tạo lại số công nhân vận hành máy xúc và đào tạo lại số lao động giảm do giảm sản lượng.

- Tiếp tục thực hiện các nội dung theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2021-2025; triển khai thực hiện Phương án Tái cơ cấu Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin ngay sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

7. Công tác quản trị chi phí; quản lý kinh tế, tài chính

- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị chi phí; tổ chức kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở các công đoạn SXKD, đặc biệt quản lý, kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, định mức tiêu hao vật tư chủ yếu, quản trị chi phí. Tổ chức giao kế hoạch gắn với giao khoán chi phí cho các đơn vị, bộ phận đảm bảo mục tiêu tiết kiệm, hiệu quả theo kế hoạch Tập đoàn TKV giao.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty cho phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định quản lý hiện hành.

- Lập kế hoạch và triển khai thực hiện hiệu quả công tác tài chính; cân đối hợp lý thu chi; khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính theo đúng quy định.

8. Công tác chăm lo đời sống, tinh thần cho người lao động

- Quan tâm hơn nữa công tác chăm lo đời sống, chăm sóc sức khỏe, đặc biệt quan tâm cải thiện điều kiện làm việc; tạo đủ việc làm, nâng cao thu nhập cho CBCN.

- Quản lý chặt chẽ quỹ tiền lương, tổ chức quản lý công tác lao động tiền lương đảm bảo cân đối thu nhập và việc làm cho các đơn vị trong Công ty.

- Tổ chức các hoạt động VH TT, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn đến người lao động về những mục tiêu và giải pháp thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, giữ ổn định tư tưởng tạo sự đồng thuận trong CBCN; phát huy truyền thống “**Kỷ luật và Đồng tâm**” đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động sản xuất chào mừng kỷ niệm 60 năm thành lập tỉnh Quảng Ninh, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023.

III. ĐỀ NGHỊ CỦA CÔNG TY

Để thực hiện tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao, Công ty đề nghị Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty tổ chức triển khai thực hiện một số nội dung công việc sau:

1. Căn cứ vào tình hình thực tế để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 cho phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả, lợi ích của các cổ đông và Công ty.

2. Tiếp tục thực hiện các thủ tục quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình Mỏ than Cọc Sáu - Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - TKV theo đúng quy định của pháp luật.

3. Triển khai thực hiện phương án Tái cơ cấu Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin ngay sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin xin được báo cáo Quý vị cổ đông./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TN;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VP (Th).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thuấn

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP THAN CỘC SÁU - VINACOMIN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	NỘI DUNG	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	729,977,245,427	760,080,541,539
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1,617,937,299	1,163,719,564
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	0	0
	- Chứng khoán kinh doanh			
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán KD			
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	358,793,668,706	131,058,908,249
4	Hàng tồn kho	140	273,398,907,895	552,568,076,035
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	96,166,731,527	75,289,837,691
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	690,095,054,455	1,035,007,032,249
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	59,578,913,199	54,286,303,252
2	Tài sản cố định	220	530,553,995,404	651,050,921,812
	- Tài sản cố định hữu hình	221	530,493,658,630	650,910,136,006
	- Tài sản cố định vô hình	227	60,336,774	140,785,806
	- Tài sản cố định thuê tài chính		0	0
3	Bất động sản đầu tư	230	0	0
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	4,317,193,805	4,326,253,919
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	0	0
	- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		0	0
	- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		0	0
6	Tài sản dài hạn khác	260	95,644,952,047	325,343,553,266
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1,420,072,299,882	1,795,087,573,788
IV	NỢ PHẢI TRẢ	300	1,088,119,777,612	1,430,001,464,500
1	Nợ ngắn hạn	310	928,013,616,691	1,170,868,097,348
2	Nợ dài hạn	330	160,106,160,921	259,133,367,152
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	331,952,522,270	365,086,109,288
1	Vốn chủ sở hữu	410	331,952,522,270	365,086,109,288
	- Vốn góp của chủ sở hữu	411	324,961,050,000	324,961,050,000
	- Quỹ đầu tư phát triển	418	2,040,317,377	2,040,317,377
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4,951,154,893	38,084,741,911
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		
	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1,420,072,299,882	1,795,087,573,788

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	3,237,000,594,683	2,675,815,388,106
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	3,237,000,594,683	2,675,815,388,106
4	Giá vốn hàng bán	11	3,082,129,675,027	2,448,254,548,937
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20	154,870,919,656	227,560,839,169
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,758,174,320	1,593,710,171
7	Chi phí tài chính	22	46,116,511,881	56,956,119,150
8	Chi phí bán hàng	25	2,953,739,519	3,988,479,934
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	115,172,877,319	119,342,259,845
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(7,614,034,743)	48,867,690,411
11	Thu nhập khác	31	10,457,477,478	1,176,339,711
12	Chi phí khác	32	673,435,147	513,422,291
13	Lợi nhuận khác	40	9,784,042,331	662,917,420
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2,170,007,588	49,530,607,831
15	Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	40,811,061,184	11,445,865,920
16	Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52	(40,215,043,411)	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1,573,989,815	38,084,741,911
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	48	1,172

III KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHI TRẢ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, PHỤ CẤP CỦA HĐQT, BKS:
Có biểu chi tiết kèm theo.

IV. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	0.79	0.65
2	Hệ số nợ phải trả/ vốn CSH	Lần	3.22	3.87
3	Vòng quay vốn lưu động (DDT/VLĐ)	Lần	4.34	4.12
4	Vòng quay hàng tồn kho (DTT/HTK)	Lần	7.84	6.02
5	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0.48	11.65
	+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản (ROA)	%	0.10	2.17

Cầm Phả, ngày 14 tháng 4 năm 2023

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Phạm Thanh Phương

Nguyễn Văn Thuận

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHI TRẢ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ kiêm nhiệm tại công ty	Thù lao HĐQT, BKS, thu ký	Phụ cấp thành viên HĐQT độc lập	Tiền lương
I	HĐQT VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY		236,880,000	175,200,000	1,533,959,000
1	Trần Thế Thành	Chủ tịch HĐQT	41,120,000		
2	Phạm Công Hương	Chủ tịch HĐQT	20,560,000		
3	Nguyễn Văn Tứ	Thành viên HĐQT	17,520,000		
4	Trần Đức Kha	Thành viên HĐQT	17,520,000		101,879,000
5	Lưu Hoàng Sinh	Thành viên HĐQT độc lập		175,200,000	
6	Nguyễn Văn Thuấn	UV HĐQT - Giám đốc	52,560,000		355,680,000
7	Nguyễn Tấn Long	UV HĐQT - PGĐ	52,560,000		315,360,000
8	Đình Thái Bình	UV HĐQT - PGĐ	35,040,000		315,360,000
9	Trần Sơn Hà	Phó Giám đốc			157,680,000
10	Phạm Thanh Phương	Kế toán trưởng			288,000,000
II	BAN KIỂM SOÁT		160,080,000	0	320,852,000
1	Nguyễn Thị Lương Anh	Trưởng ban KS	54,960,000		
2	Trần Thị Điệp	Ủy viên ban KS	52,560,000		154,113,000
3	Vũ Thiện Thành	Ủy viên ban KS	52,560,000		166,739,000
	Tổng số		396,960,000	175,200,000	1,854,811,000

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cám Phả, ngày 14 tháng 4 năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của Công ty năm 2022

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.

Căn cứ Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 16/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và các doanh nghiệp có vốn Nhà nước; Thông tư 77/2021/TT-BTC ngày 17/09/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin;

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-TCS ngày 14/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin trình Đại hội đồng cổ đông Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022 của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2022	Đồng	2.170.007.588	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Đồng	40.811.061.184	
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Đồng	-40.215.043.411	
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022	Đồng	1.573.989.815	
5	Tổng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đồng	4.951.154.893	100
	<i>Trong đó:</i>			
	- Lợi nhuận từ năm trước chuyển sang	Đồng	3.377.165.078	68,21
	- Lợi nhuận năm nay	Đồng	1.573.989.815	31,79
5.1	Chia cổ tức	Đồng	0	
5.2	Lợi nhuận được trích bổ sung các quỹ	Đồng	0	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền	Tỷ lệ (%)
-	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>Đồng</i>	0	
-	<i>Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp</i>	<i>Đồng</i>		
6	Lợi nhuận để lại chưa phân phối <i>(Công ty sẽ thực hiện phân phối sau khi được hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại)</i>	<i>Đồng</i>	4.951.154.893	100

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS Công ty;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, H(...).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Thế Thành

Cám Phả, ngày 14 tháng 4 năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Chi trả tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của người quản lý Công ty năm 2022; chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2022; kế hoạch chi trả tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của người quản lý Công ty năm 2023; chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2023

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin số 48/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin báo cáo Đại hội về việc chi trả tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS và tiền lương người quản lý Công ty năm 2022; chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2022; kế hoạch chi trả tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của người quản lý Công ty năm 2023; chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2023 như sau:

1. Tiền thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của người quản lý Công ty năm 2022; chi trả tiền phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2022

- a) Tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2022
- | | |
|--|---------------------|
| - 05 Thành viên HĐQT của Công ty | : 236.880.000 đồng. |
| - 03 Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty | : 160.080.000 đồng. |
| Tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT, BKS | : 396.960.000 đồng. |

Bằng chữ: (Ba trăm chín mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)

b) Chi trả tiền phụ cấp cho thành viên HĐQT độc lập năm 2022: 175.200.000 đồng.

c) Tiền lương của Người quản lý Công ty năm 2022: 1.854.811.000 đồng.

2. Kế hoạch chi trả thù lao, phụ cấp và các lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương của người quản lý Công ty năm 2023

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc ban hành hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV; Quyết định số 1803/QĐ – TKV ngày 28/12/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung, một số nội dung ban hành tại Quyết định số 1387/QĐ – TKV ngày 29/7/2019 của Tập đoàn;

a) Mức chi trả tiền thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2023 được xác định như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao hàng tháng (VNĐ/người)
1	Chủ tịch HĐQT	$25.700.000 \times 20\% = 5.140.000$
2	Thành viên HĐQT	$21.900.000 \times 20\% = 4.380.000$
3	Trưởng ban Kiểm soát	$22.900.000 \times 20\% = 4.580.000$
4	Thành viên BKS	$21.900.000 \times 20\% = 4.380.000$

b) Thành viên HĐQT độc lập được chi trả phụ cấp tương đương mức tiền lương của thành viên HĐQT hoạt động chuyên trách là 21.900.000 đồng/người/tháng.

c) Người quản lý Công ty được hưởng mức lương theo kế hoạch như sau:

- Giám đốc điều hành Công ty : 24.700.000 đồng/người/tháng.
- Phó Giám đốc Công ty : 21.900.000 đồng/người/tháng.
- Kế Toán trưởng : 20.000.000 đồng/ người/tháng.

d) Phương thức chi trả: Việc chi trả thù lao/phụ cấp/tiền lương của các thành viên HĐQT/HĐQT độc lập, BKS và người quản lý Công ty được tạm ứng 80% mức thù lao/phụ cấp/tiền lương của tháng đó; số còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm dựa trên kết quả SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của từng thành viên HĐQT, BKS, người quản lý Công ty theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS Công ty (B/c);
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, TCLĐ, Ph(...).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Thế Thành

Cám Phá, ngày 14 tháng 4 năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO
Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022
phương hướng nhiệm vụ năm 2023

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin xin được báo cáo các Quý vị cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

1. Cơ cấu tổ chức của HĐQT: Năm 2022 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ IV (2022-2027), tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty tổ chức vào ngày 26 tháng 4 năm 2022 đã bầu 05 thành viên HĐQT gồm:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông Trần Thế Thành | Chủ tịch HĐQT (không điều hành); |
| 2. Ông Nguyễn Văn Thuận | Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty; |
| 3. Ông Nguyễn Tấn Long | Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty; |
| 4. Ông Đinh Thái Bình | Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty; |
| 5. Ông Lưu Hoàng Sinh | Thành viên HĐQT độc lập. |

Trong 05 thành viên HĐQT có 03 thành viên kiêm nhiệm chức vụ điều hành Công ty, 01 thành viên là thành viên HĐQT không điều hành, 01 thành viên HĐQT độc lập. Các thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

2. Các hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất khác để nghe các thành viên HĐQT báo cáo tình hình hoạt động SXKD của Công ty và thảo luận để kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, cụ thể:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Thế Thành	CT HĐQT	18/26	100%	Là Chủ tịch HĐQT từ 26/04/2022
2	Ông Phạm Công Hương	CT HĐQT	07/26	100%	Không còn là Chủ tịch HĐQT từ 26/04/2022

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
3	Ông Nguyễn Văn Thuận	TV HĐQT	26/26	100%	
4	Nguyễn Văn Tứ	TV HĐQT	07/26	100%	Không còn là TV HĐQT từ 26/04/2022
5	Ông Nguyễn Tấn Long	TV HĐQT	26/26	100%	
6	Ông Trần Đức Kha	TV HĐQT	07/26	100%	Không còn là TV HĐQT từ 26/04/2022
7	Ông Đinh Thái Bình	TV HĐQT	18/26	100%	Là TV HĐQT từ 26/04/2022
8	Ông Lưu Hoàng Sinh	TV HĐQT	18/26	100%	Là TV HĐQT từ 26/04/2022

Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã họp 26 phiên, Người đại diện của TKV tại Công ty đã họp 18 phiên để triển khai các văn bản quản lý Công ty, năm 2022 HĐQT ban hành 131 văn bản theo thẩm quyền (trong đó gồm 56 Nghị quyết và 75 quyết định, văn bản khác). HĐQT thực hiện nghiêm công tác quản trị, giám sát bộ máy điều hành Công ty nhằm triển khai thực hiện đúng nghị quyết, quyết định ban hành của HĐQT.

Thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ và báo cáo khi có yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch.

Năm 2022, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra ngày 26/4/2022 và kịp thời triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; các thành viên HĐQT Công ty đã hoạt động đúng chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, minh bạch, vì lợi ích của các cổ đông và của Công ty.

Thành viên độc lập HĐQT hoạt động tuân thủ các quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT để thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của HĐQT, các hoạt động SXKD của Công ty; giám sát triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong năm 2022 thành viên độc lập HĐQT đã hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được phân công.

2.2. Chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2022 có rất nhiều khó khăn tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, do yếu tố khách quan nên năm 2022 Công ty phải giảm sản lượng 700.000 tấn than nguyên khai và giảm 6.780.000 m³ đất so với kế hoạch Đại hội cổ đông đề ra; đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình SXKD và tài chính của Công ty, việc làm và đời sống của người lao động.

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022; chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành quản lý công ty thực hiện cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2022 theo kế hoạch điều chỉnh; bảo toàn vốn. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2022 không đạt theo kế hoạch điều chỉnh: chỉ đạt 2,170 tỷ đồng/Kế hoạch điều chỉnh 47,911 tỷ đồng = 4,53 %. Nguyên nhân chủ yếu do: điều kiện khai thác rất khó khăn; chất lượng than nguyên khai không đạt kế hoạch; diện khai thác hẹp, chiều cao nhỏ, độ dốc dọc đường lớn, độ cao nâng tải cao; thiết bị hoạt động trong điều kiện khó khăn dưới thấp làm tăng chi phí tiêu hao định mức và tăng chi phí sản xuất... dẫn đến chi phí sản xuất tăng cao, làm giảm hiệu quả SXKD năm 2022.

(Kết quả hoạt động SXKD năm 2022 như Giám đốc Công ty đã báo cáo trước Đại hội).

2.3. Công tác đầu tư phát triển sản xuất: Trong năm Công ty cân đối, điều chỉnh các dự án đầu tư phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Năm 2022 Công ty đã triển khai thực hiện 03 dự án chuyển tiếp của năm 2021 và 01 dự án khởi công mới năm 2022, với tổng giá trị đầu tư thực hiện năm 2022 là 10 tỷ 265 triệu đồng, đạt 84% kế hoạch điều chỉnh năm 2022.

2.4. Công tác tổ chức cán bộ:

Triển khai Phương án nhân sự HĐQT và Phương án nhân sự Thành viên độc lập HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ IV (2022÷ 2027); bầu HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ IV (2022÷ 2027) và phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT, BKS Công ty.

Năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và đi đến thống nhất về công tác tổ chức cán bộ trong Ban điều hành và cán bộ chủ chốt trong Công ty như sau:

- Chấp thuận cho thôi giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin đối với ông Trần Sơn Hà kể từ ngày 29/6/2022 để chuyển công tác sang Công ty cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phả. Triển khai Phương án nhân sự bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc Công ty và báo cáo xin ý kiến TKV.

- Phê duyệt kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Tấn Long.

- Thông qua đề Giám đốc Công ty bổ nhiệm 03 Quản đốc, bổ nhiệm lại 02 cán bộ là Trưởng phòng, Quản đốc trong Công ty.

- Triển khai quy hoạch cán bộ lãnh đạo Công ty giai đoạn 2025-2030; rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý Công ty giai đoạn 2020-2025.

2.5. Công tác tổ chức, tái cơ cấu, sử dụng lao động:

- Công ty tập trung thực hiện các nội dung theo Đề án tái cơ cấu Công ty; tiếp tục rà soát, sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tinh gọn, hiệu quả; mô hình hiện tại Công ty còn 13 công trường, phân xưởng và 13 phòng ban quản lý.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động; kết quả năm 2022 Công ty giảm tuyệt đối được 105 lao động, tổng số lao động đến 31/12/2022 là 2.114 người (nữ 432).

- Cân đối, sắp xếp lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động. Lao động bình quân năm 2022 đạt: 2.171 người, giảm 4,45% so với năm 2021.

- Công ty tiếp tục triển khai thực hiện một số nội dung công việc theo chương trình, kế hoạch Tái cơ cấu Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin. Rà soát, thanh lý tài sản, xử lý tồn đọng liên quan đến tài sản, đất đai, tài chính; chuẩn bị cho việc thẩm định giá trị doanh nghiệp...

3. Công tác giám sát đối với Giám đốc và Người điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng quản lý, giám sát, chỉ đạo Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty thông qua chế độ báo cáo định kỳ và tổ chức họp hàng tháng, hàng quý giữa HĐQT với Giám đốc và Ban điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh, tổ chức, tái cơ cấu, đầu tư, định hướng phát triển Công ty, các vấn đề phát sinh...

- Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án SXKD, kế hoạch tài chính; theo dõi việc thực hiện kế hoạch đầu tư, triển khai thực hiện phương án tái cơ cấu của Công ty theo kế hoạch đã được TKV, Đại hội cổ đông và HĐQT Công ty phê duyệt.

- HĐQT chỉ đạo Giám đốc rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành một số quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu nhiệm vụ. Trong năm 2022, Giám đốc đã trình HĐQT ban hành 12 Quy chế quản lý của Công ty làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của HĐQT Công ty.

- HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi nhất để Giám đốc điều hành chỉ đạo các đơn vị trong Công ty thực hiện tốt Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty và cấp trên. Trong quá trình tổ chức hoạt động SXKD năm 2022, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành.

Năm 2022, Giám đốc và bộ máy điều hành đã điều hành SXKD và các mặt hoạt động khác của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, triển khai thực hiện nghiêm các Nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông giao; Công ty cơ bản thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022 theo kế hoạch điều chỉnh, bảo toàn vốn kinh doanh, đảm bảo việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động.

4. Báo cáo thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2022

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin ngày 26 tháng 4 năm 2022, Công ty đã chi trả thù lao năm 2022 của các thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm với tổng số tiền là 396.960.000 đồng; chi trả tiền phụ cấp của 01 thành viên HĐQT độc lập với số tiền là 175.200.000 đồng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2023

Năm 2023 dự báo là năm còn nhiều khó khăn, thách thức mới: Điều kiện khai thác và khai trường sản xuất của Công ty ngày càng khó khăn, đáy moong tiếp xuống sâu hơn, diện khai thác hẹp, độ cao nâng tải và cung độ vận chuyển lớn, địa chất phức tạp, tài nguyên khó khăn; tình hình thời tiết diễn biến khó lường... Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông, như trong báo cáo phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp chỉ đạo điều hành kế hoạch SXKD do Giám đốc đã trình bày, Hội đồng quản trị cần tập trung chỉ đạo, giải quyết một số vấn đề trọng tâm sau:

1. Tập trung chỉ đạo, điều hành các phương án tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2023, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

2. Tiếp tục thực hiện các nội dung theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2021-2025 đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; rà soát, tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Triển khai thực hiện Phương án Tái cơ cấu Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin ngay sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

3. Rà soát, bổ sung, ban hành các quy chế quản trị của Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước và TKV để đảm bảo cho bộ máy quản lý, điều hành của Công ty hoạt động linh hoạt, hiệu quả.

4. Chỉ đạo quản trị chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, đặc biệt đảm bảo chất lượng than khai thác theo kế hoạch năm 2023; triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản

xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, tăng năng suất lao động; tăng cường chỉ đạo, thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí để giảm giá thành sản xuất.

5. Cân đối, tổ chức thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư năm 2023. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ than Cọc Sáu. Phối hợp với địa phương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, thuê đất phục vụ đổ thải. Tiếp tục thực hiện các bước để bàn giao cụm dân cư khu bãi biển 10/10 theo quy định.

6. Quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả, đảm bảo an toàn tài chính.

7. Chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường; giữ vững công tác an ninh trật tự.

8. Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư, cổ đông của Công ty; chăm lo, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, tạo đủ việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

9. Phối hợp chặt chẽ giữa bộ máy điều hành, Ban kiểm soát, với các tổ chức chính trị trong Công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin trân trọng báo cáo trước Đại hội và xin ý kiến của các Quý vị cổ đông./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT (Th).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Thế Thành

Cẩm Phả, ngày 14 tháng 4 năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty
với doanh nghiệp và người có liên quan**

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ khoản 3 Điều 280, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NP-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin đã được sửa đổi bổ sung và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 22/4/2021;

Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng báo cáo, trình Đại hội cổ đông thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin với các doanh nghiệp và người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 27 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty như sau:

I. Báo cáo kết quả thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp, cổ đông lớn và người có liên quan năm 2022

1. Trong năm 2022, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin đã có Nghị quyết số 48/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022 về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin với doanh nghiệp và người có liên quan. Thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), Công ty ký các hợp đồng mua bán than và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh với Công ty Tuyển Than Cửa Ông - TKV, Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin, 02 đơn vị này là đơn vị trực thuộc TKV (TKV là cổ đông lớn sở hữu 65% vốn Điều lệ của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin). Trong năm 2022, tổng giá trị thực hiện giao dịch là 3.493.637.803.086 đồng, trong đó:

- Công ty Tuyển Than Cửa Ông – TKV : 1.673.489.868.657 đồng.
- Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin : 1.820.147.934.429 đồng.

2. Ngoài ra năm 2022 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin đã có Nghị quyết thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 18/3/2022 và Nghị quyết số 53/NQ-HĐQT ngày 06/5/2022 (được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử Công ty). Trong năm 2022, tổng giá trị thực hiện giao dịch là 892.245.083.404 đồng, trong đó:

TT	Tên đơn vị	Giá trị thực hiện giao dịch trong năm 2022 (đồng)
1	Công ty cổ phần Vật tư -TKV	784.642.236.471
2	Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin	24.424.155.791
3	Công ty cổ phần Than Hà Lầm - Vinacomin	386.933.760

TT	Tên đơn vị	Giá trị thực hiện giao dịch trong năm 2022 (đồng)
4	Công ty cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	17.581.147.303
5	Công ty cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	581.636.000
6	Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí	4.579.676.142
7	Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin - Chi nhánh Vân Long	57.462.942.568
8	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	
9	Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	
10	Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin	731.499
11	Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin	2.585.623.870

II. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp, cổ đông lớn và người có liên quan năm 2023

Trong năm 2023, Công ty có chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch với các doanh nghiệp, cổ đông lớn và người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 27 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty như sau:

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC GIAO KẾT HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (nắm giữ 65% vốn điều lệ). Các Công ty trực thuộc gồm: (1) Công ty Tuyển Than Cửa Ông - TKV; (2) Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin.	Số 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội. MST: 5700100256	Mua bán than và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.	Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể; đối với các hợp đồng có giá trị cụ thể, giá trị giao dịch lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.
2	Công ty cổ phần Vật tư-TKV (Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty).	Phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700100707	Mua, bán xăng dầu, dầu nhớt, mỡ máy, các loại vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh	Giá trị của các hợp đồng giao dịch lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất của Công ty đã được kiểm toán gần nhất.
3	Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin (Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty; TBKS Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Thành viên BKS Công ty).	Tầng 8 Tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội. MST: 0103005779	Các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh theo danh mục ngành nghề kinh doanh trong Giấy phép kinh doanh của các Công ty.	Giá trị của các hợp đồng giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất của Công ty đã được kiểm toán gần nhất.

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC GIAO KẾT HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH
4	Công ty cổ phần Than Mông Dương-Vinacomin (Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty).	Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700101203	Như mục 3	Như mục 3
5	Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin (Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty; TBKS Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là TBKS Công ty).	Phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. MST: 57001011323	Như mục 3	Như mục 3
6	Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin (Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là TBKS Công ty).	Phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700101299	Như mục 3	Như mục 3
7	Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin (Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Kiểm soát viên của Viện).	Số 3 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. MST: 0100101594	Như mục 3	Như mục 3

- Thời hạn thực hiện các hợp đồng, giao dịch: Từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các hợp đồng, giao dịch nêu trên tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và giao cho Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, Ban GD Công ty;
- Phòng KH, KTTC, TBK;
- Lưu: HĐQT, TCLĐ (Th).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Thế Thành

Số: /TCS - BKS

Cám Phả, ngày 14 tháng 4 năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO
Về hoạt động của Ban Kiểm soát tại
ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

Căn cứ vào các quy định của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin năm 2022;

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và Báo cáo quyết toán tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin đã được Công ty kiểm toán PKF thực hiện kiểm toán.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

1.1. Về tổ chức nhân sự

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 được bầu 03 thành viên, gồm 01 Trưởng ban, 02 thành viên; các thành viên trong Ban Kiểm soát là kiêm nhiệm.

TT	Họ và tên	Chức danh được bầu	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lương Anh	Trưởng ban	
2	Nguyễn Thiện Thành	Thành viên	
3	Trần Thị Điệp	Thành viên	

1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

Trong năm Ban Kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ của Công ty cũng như định hướng hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua, cụ thể:

- Lập kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát năm 2022 bao gồm thực hiện giám sát thường xuyên, báo cáo định kỳ, kế hoạch một số chuyên đề về kiểm tra công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD trong Công ty; kế hoạch được gửi HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các đơn vị, phòng ban trong Công ty.

- Ban Kiểm soát đã tổ chức họp thường kỳ quý/lần và các cuộc họp đột xuất khác do yêu cầu công việc. Trong năm 2022, Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức bảy (07) kỳ họp:

+ Các kỳ họp đảm bảo theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của Công ty. Tại cuộc họp, nội dung công việc thực hiện trong quý, hoặc những nội dung, vụ việc đột xuất cần kiểm tra được kiểm điểm, đánh giá đầy đủ, nghiêm túc; Các kỳ họp đều đủ các thành viên tham gia, mọi thành viên đều thực hiện quyền bình đẳng ý kiến, trước khi thống nhất nội dung biên bản họp.

+ Kết thúc năm 2022, cá nhân các thành viên Ban Kiểm soát đều tự kiểm điểm đánh giá hoạt động kiểm soát theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

- Thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành, giám sát việc chấp hành Điều lệ, triển khai thực hiện các nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thông qua việc tham gia các cuộc họp thường xuyên, định kỳ của HĐQT đã giúp BKS nắm bắt thông tin, kịp thời đưa ra các đề xuất, kiến nghị với HĐQT trong việc quản lý, điều hành và thực hiện các quy chế quản lý nội bộ.

- Năm 2022, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch hoạt động của Ban.

- Ban Kiểm soát đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc; giám sát việc thực thi pháp luật, việc công bố thông tin.

- Xem xét thư quản lý của Công ty kiểm toán PKF và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty.

- Thực hiện thường xuyên trao đổi, giữa các thành viên Ban Kiểm soát.

- Chủ động phối hợp với các phòng ban chuyên môn, đơn vị của Công ty trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa các thành viên trong Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty và các cổ đông.

1.3. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo chuyên đề

Năm 2022, việc tổ chức thực hiện kiểm soát tập trung những nội dung lớn, ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình doanh thu, chi phí, kết quả SXKD của Công ty.

- Công tác thực hiện hợp đồng thuê ngoài vận chuyển đất đá; thuê ngoài chế biến, thu hồi than sạch từ nguồn sản phẩm ngoài than.

- Công tác quản lý, sửa chữa, sử dụng tài sản cố định.

- Công tác quản lý đầu tư XD/CB.

- Công tác quản lý và sử dụng vật tư.

- Ngoài ra thực hiện kiểm soát những nội dung khác theo tính chất thường kỳ, công tác quản lý chi phí, công tác hạch toán. Tham gia cùng BKS nội bộ TKV về việc giám sát một số lĩnh vực quản lý (mua sắm, sử dụng vật tư; thuê ngoài; sửa chữa TSCĐ; lao động, tiền lương; đầu tư xây dựng, quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản...).

- Quá trình kiểm tra, kiểm soát, được xem xét phân tích cụ thể, minh bạch và đều có sự tham gia của các cán bộ phòng ban quản lý của Công ty, kết quả kiểm tra đều có ý kiến và kiến nghị cụ thể. Đối với những nội dung không trọng yếu, yêu cầu đơn vị điều chỉnh và chấn chỉnh lại trong quá trình thực hiện. Cảnh báo đối với những vấn đề nội dung có tiềm ẩn rủi ro, ảnh hưởng đến lợi ích Công ty, BKS trao đổi trực tiếp/hoặc ghi nhận trong biên bản làm việc để đơn vị xử lý và phòng ngừa.

2. Kết quả kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát

2.1. Về hoạt động quản lý điều hành của HĐQT

Hội đồng quản trị đã thể hiện rõ chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo quản lý Công ty trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT; HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, minh bạch thực hiện việc quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông thể hiện qua các nội dung như sau:

- Năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty. Các cuộc họp đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, thảo luận đảm bảo tính nghiêm túc và trách nhiệm. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp có tinh thần trách nhiệm cao đối với việc tham gia ý kiến về các nội dung họp. Các cuộc họp đều được ghi nhận vào Biên bản và ban hành Nghị quyết triển khai thực hiện.

- Trong năm HĐQT đã tổ chức họp 26 phiên, ban hành 131 văn bản theo thẩm quyền (trong đó gồm 56 Nghị quyết và 75 Quyết định, văn bản khác), chỉ đạo các nội dung thuộc chức trách và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

- Bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của Công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ thông qua, bám sát chiến lược của Công ty, đồng thời đánh giá, giám sát hoạt động của Ban giám đốc;

- Hội đồng quản trị luôn tuân thủ Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và đưa ra các giải pháp hữu hiệu giúp Công ty vượt qua những khó khăn để cơ bản hoàn thành kế hoạch SXKD của đơn vị.

2.2. Về công tác tổ chức thực hiện của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc có những chỉ đạo sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và họp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với Công ty.

- Kịp thời đề xuất với Hội đồng quản trị những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

- Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền.

- Điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện thoả ước lao động và hợp đồng lao động đã ký, công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, nâng lương, nâng bậc ...được thực hiện theo qui định của Pháp luật và Quy chế của Công ty.

- Trực tiếp chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty đề ra.

2.3. Nhận xét chung

- Nhìn chung năm 2022, Ban Kiểm soát Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát của cổ đông giao theo đúng chức năng quyền hạn quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật.

- Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, BKS đánh giá HĐQT và Ban Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế và phù hợp với Luật doanh nghiệp cũng như Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; triển khai kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Ban Kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty.

- Trong năm Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo nào từ các cổ đông về tình hình hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

3. Thu nhập, thù lao, các khoản lợi ích và chi phí cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành

HĐQT, Ban Điều hành, Ban kiểm soát được hưởng lương, thưởng, thù lao và các quyền lợi khác theo cơ chế lương, thưởng, các chế độ phúc lợi khác theo quy định hiện hành của Công ty và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2022

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị : 5.140.000 đ/người/tháng.

+ Thành viên Hội đồng quản trị : 4.380.000 đ/người/tháng.

+ Trưởng Ban kiểm soát : 4.580.000 đ/người/tháng.

+ Thành viên Ban kiểm soát : 4.380.000 đ/người/tháng.

- Thành viên HĐQT độc lập năm 2022: 21.900.000 đ/người/tháng.

4. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Ban Kiểm soát, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã duy trì được mối quan hệ trong công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty và các cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. HĐQT cùng Ban lãnh đạo điều hành Công ty đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾT QUẢ SXKD - THẨM ĐỊNH BCTC NĂM 2022

1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, Công ty hoàn thành chỉ tiêu về hiện vật như đất đá bóc xúc, than nguyên khai thác, ngoài ra một số các chỉ tiêu về doanh thu than, lợi nhuận và tiền lương chưa hoàn thành theo kế hoạch điều chỉnh năm 2022.

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	NQ ĐHĐCĐ NĂM 2022	ĐCKH của HĐQT ngày 16.01.2023	THỰC HIỆN NĂM 2022	TỶ LỆ % THỰC HIỆN	
						NQ ĐHĐCĐ *100	NQ ĐCKH của HĐQT
A	B	C	1	2	3	4=(3/1)*100	5=(3/2)*100
I	Các chỉ tiêu hiện vật						
1	Đất đá bóc xúc	m ³	22.230.000	15.450.000	15.471.816	69,60	100,14
2	Than NKKT	m ³	1.900.000	1.200.000	1.201.796	63,25	100,15
3	Than sạch từ SPNT	Tấn	1.100.000	1.000.000	1.153.727	104,88	115,37
4	Hệ số bóc	m ³ /tấn	11,70	12,88	12,87	110,00	99,92
5	Than tiêu thụ	Tấn	2.980.000	2.512.000	2.544.079	85,37	101,28
II	Tổng doanh thu	Tr.đ	3.153.614	3.239.426	3.249.216	103,03	100,30
	Trong đó: Doanh thu Than	Tr.đ	3.153.614	3.239.426	3.225.665	102,28	99,58
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	24.616	47.911	2.170	8,82	4,53
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ			1.574		

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	NQ ĐHĐCĐ NĂM 2022	ĐCKH của HĐQT ngày 16.01.2023	THỰC HIỆN NĂM 2022	TỶ LỆ % THỰC HIỆN	
						NQ ĐHĐCĐ	NQ ĐCKH của HĐQT
V	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn ĐL	%	≥3		0		
VI	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	9.902.000	10.878.000	8.828.000	89,15	81,15
VII	Đầu tư xây dựng	Tr.đ	16.633	12.221	10.265	61,71	84,00

*** Nhận xét:**

Với tài liệu được cung cấp, qua xem xét thẩm định và kết hợp với quá trình kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát Công ty thống nhất đánh giá:

- Năm 2022 Công ty đã tập trung chỉ đạo, tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp trong tổ chức sản xuất kinh doanh, đoàn kết, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, tập trung đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ, thực hành tiết kiệm chi phí. Tuy nhiên, trong điều kiện khai thác khó khăn của Công ty, chi phí sản xuất tăng cao, chất lượng than nguyên khai thác không đạt KH giao tuyến dẫn đến khối lượng than nguyên khai giao Cửa Ông thấp, cơ cấu tiêu thụ không đảm bảo ảnh hưởng đến doanh thu nên sản xuất kinh doanh của Công ty chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận.

- HĐQT, Ban Giám đốc đã nghiêm túc quán triệt, chấp hành, tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Công ty, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, vì lợi ích của các cổ đông.

- Thống nhất với các Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của Ban Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

- Hội đồng quản trị, Giám đốc không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để trục lợi hoặc phục vụ lợi ích cá nhân, gia đình và người thân.

Trong năm 2022, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban Kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT.

2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2022

2.1. Các số liệu về vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2022 như sau

TT	Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu	Giá trị (ĐVT:VNĐ)
A	Tổng tài sản	1.420.072.299.882
I	Tài sản ngắn hạn	729.977.245.427
1	Trong đó: Tiền & các khoản tương đương tiền	1.617.937.299
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	358.793.668.706
4	Hàng tồn kho	273.398.907.895
4.1	Hàng tồn kho	273.398.907.895
+	Nguyên vật liệu tồn kho	17.199.127.995
+	Công cụ dụng cụ tồn kho	55.282.196

TT	Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu	Giá trị (ĐVT:VNĐ)
+	<i>Sản phẩm dở dang tồn kho</i>	243.892.572.553
+	<i>Thành phẩm tồn kho</i>	12.251.925.151
4.2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	96.166.731.527
II	Tài sản dài hạn	690.095.054.455
B	Tổng nguồn vốn	1.420.072.299.882
I	Tổng nợ phải trả	1.088.119.777.612
1	Nợ ngắn hạn	928.013.616.691
2	Nợ dài hạn:	160.106.160.921
+	Trong đó: <i>Vay và nợ dài hạn</i>	156.016.898.281
II	Vốn chủ sở hữu (MS 400)	331.952.522.270
1	Vốn chủ sở hữu (MS 410)	331.952.522.270
	Trong đó: <i>Vốn góp của chủ SH (MS 411)</i>	324.961.050.000
-	<i>Quỹ ĐTPT (MS 418)</i>	2.040.317.377
-	<i>Lợi nhuận ST chưa phân phối (MS 421)</i>	4.951.154.893
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	
C	Kết quả SXKD năm 2021	
1	Tổng thu nhập	3.249.216.246.481
	Trong đó: <i>D.thu thuần về bán hàng và CCDV</i>	3.237.000.594.683
2	Tổng chi phí hoạt động	3.247.046.238.893
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.170.007.588
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.573.989.815
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	48
6	Cổ phiếu	32.496.105

2.2. Các chỉ tiêu tài chính

TT	Chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp	Giá trị
1	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản	
	- Đầu tư ngắn hạn	0,51 lần
	- Đầu tư dài hạn	0,49 lần
2	Hệ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn	
	- Hệ số nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,77 lần
	- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	3,22 lần
3	Hệ số về khả năng thanh toán	
	- Khả năng thanh toán tổng quát	1,33 lần

TT	Chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp	Giá trị
	- Khả năng thanh toán hiện hành	0,79 lần
	- Khả năng thanh toán nhanh	0,49 lần
4	Hệ số về hiệu quả sử dụng vốn	
	- Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	0,66%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	0,48%
	- Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản	0,13%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,10%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (ROS)	0,05%
5	Hệ số bảo toàn và phát triển vốn CSH	0,91 lần

2.3. Cơ cấu sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2022

Vốn điều lệ của Công ty là 324.961.050.000 đồng được chia thành 32.496.105 cổ phần. Trong đó:

- + Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam : 211.224.690.000 đồng.
- + Các cổ đông khác : 113.736.360.000 đồng.

Ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát

Trên cơ sở thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Ban kiểm soát Công ty thống nhất xác nhận số liệu Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán PKF. Theo ý kiến đánh giá của Ban kiểm soát Báo cáo tài chính năm 2022 của cổ phần Than Cọc sáu - Vinacomin:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2022, Kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

- Trong kỳ Công ty đã thực hiện bút toán điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ tại BCTC năm 2022 theo thông báo số 37/TB-KTNN của Kiểm toán Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm 2021.

- Công ty đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước.

- Công ty thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, KPCĐ kịp thời và đúng hạn cho 100% CBCNV đã ký hợp đồng lao động.

- Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty được thực hiện tập trung đảm bảo phù hợp với quy trình tổ chức sản xuất và quản lý của Công ty.

- Chứng từ, sổ sách kế toán được ghi chép, hạch toán tuân thủ theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành.

3. Một số đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý năng suất thiết bị, phát huy tối đa thiết bị Công ty hiện có.

- Hàng tháng, quý có đánh giá việc thực hiện định mức các vật tư chủ yếu của Công ty, để điều chỉnh định mức phù hợp.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý về: Đất đai, tài nguyên và gianh giới mỏ; quản lý chất lượng than, nghiệm thu khối lượng mỏ, nghiệm thu trong quá trình chế biến, nghiệm thu công tác thuê ngoài bốc xúc, vận chuyển đất đá. Quản lý kho thành phẩm, kho bán thành phẩm và sản phẩm ngoài than.

Trên đây là kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 của Ban Kiểm soát Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông để xem xét thông qua.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát và kế hoạch SXKD của Công ty năm 2023. Ban Kiểm soát đề ra hoạt động năm 2023 như sau:

1. Giám sát hoạt động của HĐQT qua việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc ban hành Nghị quyết các kỳ họp thường kỳ hay bất thường của HĐQT, việc ban hành các Quy định, Quy chế, việc đôn đốc Ban Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện các Nghị quyết và tuân thủ các Nghị quyết, các Quy định, Quy chế đã ban hành theo từng nội dung, từng lĩnh vực;

2. Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc điều hành thông qua việc: Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua. Cần sâu sát thường xuyên trong công tác quản trị chi phí, sớm có ý kiến kiến nghị khi phát hiện những việc có tiềm ẩn rủi ro trong kinh doanh;

3. Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Thực hiện kế hoạch hoạt động giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng tháng, quý đã được xây dựng từ đầu năm;

4. Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm của Công ty; soát xét số liệu hàng tháng/quý đối với một số khoản mục có ảnh hưởng lớn tới kết quả tài chính.

5. Giám sát quá trình kiểm toán, báo cáo kiểm toán, thư quản lý của các Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán tại Công ty. Trao đổi, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về nội dung, phạm vi kiểm toán, về các vấn đề tồn tại.

6. Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu. Tham gia với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thảo luận nội dung chỉ tiêu, cụ thể hoá Nghị quyết ĐHĐCĐ để đề ra các Nghị quyết thường kỳ.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động trong năm 2022 và phương hướng hoạt động trong năm 2023 của Ban Kiểm soát. Rất mong được sự tham gia góp ý của quý vị cổ đông để hoạt động của Ban kiểm soát ngày càng tốt hơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- Thư ký Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Lương Anh

Số: /TTr-TCS

Cẩm Phả, ngày 14 tháng 4 năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin đã được sửa đổi, bổ sung và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 22/4/2021;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty về việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 tại Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin như sau:

1. Đề xuất danh sách Công ty kiểm toán: Để đảm bảo lựa chọn được Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh. Thực hiện kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát Công ty xin đề xuất danh sách Công ty kiểm toán như sau:

1. Công ty TNHH PKF Việt Nam
2. Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC

Lý do đề xuất các Công ty kiểm toán trên:

- Là những Công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022 theo quyết định số 2324/QĐ-BTC ngày 14/11/2022 và thuộc danh sách được kiểm toán các Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán năm 2023 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước công bố trên Website của UBCKNN.

- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đại chúng quy mô lớn tại Việt Nam.
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán.
- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin về phạm vi, tiến độ kiểm toán.

2. Đề xuất về việc lựa chọn Công ty kiểm toán: Kính đề nghị Đại hội cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Lương Anh

Số: /BB-ĐHĐCĐ

Cẩm Phả, ngày 06 tháng 5 năm 2023

DỰ THẢO

BIÊN BẢN
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 06/5/2023 tại Hội trường Tầng 2 - Nhà sinh hoạt công nhân Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.

Địa chỉ: Phường Cẩm Phú – thành phố Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh.

Mã số doanh nghiệp: 5700101002 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05/12/2019 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh; Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 13/5/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.

Đã tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, tham dự Đại hội gồm có:

1. Ông Trần Thế Thành, Chủ tịch HĐQT và các thành viên trong HĐQT Công ty.
2. Bà Nguyễn Thị Lương Anh, Trưởng ban Kiểm soát và các thành viên trong BKS Công ty.
3. Ông Nguyễn Văn Thuận, Thành viên HĐQT-Giám đốc Công ty và các thành viên trong Ban điều hành Công ty
4. Và các vị cổ đông của Công ty, sở hữu và đại diện cho.....cổ phần, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Những cổ đông vắng mặt đã uỷ quyền cho các cổ đông hiện diện tham dự Đại hội ngày hôm nay.

(Có danh sách các cổ đông tham dự Đại hội kèm theo biên bản này)

Đại hội do ông Trần Thế Thành, Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tọa. Chủ tọa Đại hội cử ông Nguyễn Trung Thành, Thư ký Công ty làm thư ký Đại hội và cử các Ông sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| 1. Ông Nguyễn Đức Phương | Tổ trưởng |
| 2. Ông Nguyễn Hữu Quang | Tổ viên |
| 3. Ông Nguyễn Xuân Dậu | Tổ viên |

Để giúp việc cho thư ký trong việc thu, đếm các thẻ biểu quyết và giải quyết các công việc có liên quan khác.

I. Thực hiện các thủ tục tiến hành Đại hội

1.1. Ông Nguyễn Hữu Quang, Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông đọc báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông và công bố các vị cổ đông có mặt đủ tư cách tham dự Đại hội; những cổ đông có mặt sở hữu và đại diện cho.....cổ phần, bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ của Công ty thì Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2023 là hợp pháp, hợp lệ và hội đủ điều kiện để tiến hành.

1.2. Ông Phạm Việt Thắng, Chánh Văn phòng trình bày quy chế và chương trình làm việc của đại hội và Đại hội đã biểu quyết thông qua quy chế, chương trình làm việc với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu tán thành :..... phiếu, bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không tán thành :..... phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu trắng không có.

Quy chế và chương trình làm việc của Đại hội đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

II. Sau khi thực hiện các thủ tục tiến hành Đại hội, Chủ toạ Đại hội đã điều hành việc trình bày các báo cáo, tờ trình về các vấn đề sau đây

II.1. Ông Nguyễn Văn Thuận, Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo hoạt động SXKD năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2023 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1.1. Kết quả SXKD năm 2022

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2022				
			KẾ HOẠCH ĐÀU NĂM	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ % SO VỚI	
						KH ĐẦU NĂM	KHĐC
1	Đất đá bóc xúc	M ³	22.230.000	15.450.000	15.471.816	69,60	100,14
2	Than sản xuất	Tấn	3.000.000	2.200.000	2.355.523	78,52	107,07
a	Than khai thác bóc vỉa	Tấn	1.900.000	1.200.000	1.201.796	63,25	100,15
b	Than sạch từ ĐDLT	Tấn	1.100.000	1.000.000	1.153.727	104,88	115,37
3	Hệ số bóc đất sản xuất	M ³ /tấn	11,70	12,88	12,87	110,00	99,92
4	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	2.980.000	2.512.000	2.544.079	85,37	101,28
5	Doanh thu tổng số	Tr.đ	3.153.614	3.239.426	3.249.216	103,03	100,30
-	Trong đó: D.thu than	Tr.đ	3.153.614	3.239.426	3.225.665	102,28	99,58
6	Giá trị đầu tư XD CB	Tr.đ	16.633	12.221	10.265	61,71	84,0
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	24.616	47.911	2.170	8,82	4,53
8	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/tháng	9.902	10.878	8.828	89,15	81,15

1.2. Phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2023

1.2.1. Mục tiêu chung: “An toàn - Phát triển - Hiệu quả”

1.2.2. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu năm 2023

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG
1	Đất đá bóc xúc	M ³	17.800.000
2	Than nguyên khai	Tấn	1.510.000
3	Than sạch từ sản phẩm ngoài than	Tấn	400.000
4	Hệ số bóc	M ³ /tấn	11,79
5	Than tiêu thụ	Tấn	1.907.000

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG
6	Doanh thu tổng số	Tr.đ	2.722.628
	Trong đó: Doanh thu than	Tr.đ	2.722.628
7	Kế hoạch đầu tư xây dựng	Tr.đ	12.534
8	Kế hoạch tuyển dụng lao động	Người	72
9	Tiền lương bình quân	1.000đ/người/tháng	10.253
10	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	40.389
11	Dự kiến chi trả cổ tức	%	≥3

Đại hội ủy quyền cho HĐQT, Ban điều hành Công ty căn cứ vào tình hình thực tế để điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2023 cho phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả, lợi ích của các cổ đông và Công ty.

II.2. Ông Phạm Thanh Phương, Kế Toán trưởng Công ty trình bày báo cáo

2.1. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

1. Tài sản ngắn hạn : 729,977 tỷ đồng.
2. Tài sản dài hạn : 690,095 tỷ đồng.
3. Tổng cộng tài sản : 1.420,072 tỷ đồng.
4. Nợ phải trả : 1.088,120 tỷ đồng.
5. Vốn chủ sở hữu : 331,952 tỷ đồng.
6. Tổng lợi nhuận sau thuế : 1,574 tỷ đồng.
7. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản
 - Khả năng thanh toán nợ đến hạn (lần) : 0,79.
 - Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH (lần) : 3,22.
 - Vòng quay vốn lưu động (DDT/VLĐ) (lần) : 4,34.
 - Vòng quy hàng tồn kho (DTT/HTK) (lần) : 7,84.
 - Chỉ tiêu về khả năng sinh lời
 - + Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE) (%) : 0,48.
 - + Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA) : 0,10.

2.2. Báo cáo đề xuất phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2022	Đồng	2.170.007.588	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Đồng	40.811.061.184	
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Đồng	-40.215.043.411	
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022	Đồng	1.573.989.815	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền	Tỷ lệ (%)
5	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đồng	4.951.154.893	100
	<i>Trong đó:</i>			
	- Lợi nhuận từ năm trước chuyển sang	Đồng	3.377.165.078	68,21
	- Lợi nhuận năm nay	Đồng	1.573.989.815	31,79
5.1	Chia cổ tức	Đồng	0	
5.2	Lợi nhuận được trích bổ sung các quỹ	Đồng	0	
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	0	
-	Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp	Đồng		
6	Lợi nhuận để lại chưa phân phối <i>(Công ty sẽ thực hiện phân phối sau khi được hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại)</i>	Đồng	4.951.154.893	100

2.3. Báo cáo kết quả thực hiện chi trả tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của người quản lý Công ty năm 2022; chi trả tiền phụ cấp cho thành viên HĐQT độc lập năm 2022; kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS năm 2022.

2.3.1. Tiền thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của người quản lý Công ty năm 2022; chi trả tiền phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2022

a) Tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2022

- 05 Thành viên HĐQT của Công ty : 236.880.000 đồng.

- 03 Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty : 160.080.000 đồng.

Tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT, BKS : 396.960.000 đồng.

Bằng chữ: (Ba trăm chín mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).

b) Chi trả tiền phụ cấp cho thành viên HĐQT độc lập năm 2022: 175.200.000 đồng.

c) Tiền lương của Người quản lý Công ty năm 2022: 1.854.811.000 đồng.

2.3.2. Kế hoạch chi trả thù lao, phụ cấp và các lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương của người quản lý Công ty năm 2023

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc ban hành hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV; Quyết định số 1803/QĐ – TKV ngày 28/12/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung ban hành tại Quyết định số 1387/QĐ – TKV ngày 29/7/2019 của Tập đoàn;

a) Mức chi trả tiền thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2023 được xác định như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao hàng tháng (VNĐ/người)
1	Chủ tịch HĐQT	25.700.000 x 20% = 5.140.000
2	Thành viên HĐQT	21.900.000 x 20% = 4.380.000

STT	Chức danh	Mức thù lao hàng tháng (VNĐ/người)
3	Trưởng ban Kiểm soát	$22.900.000 \times 20\% = 4.580.000$
4	Thành viên BKS	$21.900.000 \times 20\% = 4.380.000$

b) Thành viên HĐQT độc lập được chi trả phụ cấp tương đương mức tiền lương của thành viên HĐQT hoạt động chuyên trách là 21.900.000 đồng/người/tháng.

c) Người quản lý Công ty được hưởng mức lương theo kế hoạch như sau:

- Giám đốc điều hành Công ty : 24.700.000 đồng/người/tháng.
- Phó Giám đốc Công ty : 21.900.000 đồng/người/tháng.
- Kế Toán trưởng : 20.000.000 đồng/người/tháng.

* **Phương thức chi trả:** Việc chi trả thù lao/phụ cấp/tiền lương của các thành viên HĐQT/HĐQT độc lập, BKS và người quản lý Công ty được tạm ứng 80% mức thù lao/phụ cấp/tiền lương của tháng đó; số còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm dựa trên kết quả SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của từng thành viên HĐQT, BKS, người quản lý Công ty theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

II.3. Ông Lưu Hoàng Sinh, Thành viên HĐQT độc lập trình bày các báo cáo

3.1. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2022; phương hướng nhiệm vụ năm 2023 (Chi tiết như tài liệu kèm theo)

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty tổ chức triển khai thực hiện một số nội dung công việc sau:

a) Tiếp tục thực hiện các thủ tục quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình Mỏ than Cọc Sáu - Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - TKV theo đúng quy định của pháp luật.

b) Triển khai thực hiện phương án Tái cơ cấu Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin ngay sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

3.2. Báo cáo thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

3.2.1. Trong năm 2022, Công ty ký các hợp đồng mua bán than và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh với Công ty Tuyển Than Cửa Ông - TKV, Công ty Kho Vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin là 02 đơn vị này là đơn vị trực thuộc TKV (TKV là cổ đông lớn sở hữu 65% vốn Điều lệ của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin) với tổng giá trị thực hiện giao dịch là 3.493.637.803.086 đồng, trong đó:

- Công ty Tuyển Than Cửa Ông – TKV : 1.673.489.868.657 đồng.
- Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin : 1.820.147.934.429 đồng.

Ngoài ra năm 2022, Công ty đã thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan với tổng giá trị thực hiện giao dịch là 892.245.083.404 đồng, trong đó:

TT	Tên đơn vị	Giá trị thực hiện giao dịch trong năm 2022 (đồng)
1	Công ty cổ phần Vật tư -TKV	784.642.236.471
2	Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin	24.424.155.791
3	Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin	386.933.760
4	Công ty cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	17.581.147.303
5	Công ty cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	581.636.000
6	Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Uông Bí	4.579.676.142
7	Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin - Chi nhánh Vân Long	57.462.942.568
8	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	0
9	Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	0
10	Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin	731.499
11	Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin	2.585.623.870

3.2.2. Trong năm 2023, Công ty có chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch với các doanh nghiệp, cổ đông lớn và người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 27 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty như sau:

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC GIAO KẾT HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (nắm giữ 65% vốn điều lệ). Các Công ty trực thuộc gồm: (1) Công ty Tuyển Than Cửa Ông - TKV; (2) Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin.	Số 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội. MST: 5700100256	Mua bán than và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.	Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể; đối với các hợp đồng có giá trị cụ thể, giá trị giao dịch lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.
2	Công ty cổ phần Vật tư-TKV (Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty).	Phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700100707	Mua, bán xăng dầu, dầu nhờn, mỡ máy, các loại vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh	Giá trị của các hợp đồng giao dịch lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất của Công ty đã được kiểm toán gần nhất.
3	Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin (Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty; TBKS Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Thành viên BKS Công ty).	Tầng 8 Tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội. MST: 0103005779	Các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh theo danh mục ngành nghề kinh doanh trong Giấy phép kinh doanh của các Công ty.	Giá trị của các hợp đồng giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất của Công ty đã được kiểm toán gần nhất.

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC GIAO KẾT HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH
4	Công ty cổ phần Than Mông Dương-Vinacomin (Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty).	Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700101203	Như mục 3	Như mục 3
5	Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin (Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty; TBKS Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là TBKS Công ty).	Phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. MST: 57001011323	Như mục 3	Như mục 3
6	Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin (Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là TBKS Công ty).	Phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700101299	Như mục 3	Như mục 3
7	Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin (Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Kiểm soát viên của Viện).	Số 3 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. MST: 0100101594	Như mục 3	Như mục 3

- Thời hạn thực hiện các hợp đồng, giao dịch: Từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các hợp đồng, giao dịch nêu trên tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

II.4. Bà Nguyễn Thị Lương Anh, Trưởng ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo

4.1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS năm 2022 (Chi tiết như tài liệu kèm theo).

4.2. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2022

- Căn cứ kết quả SXKD và báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty do Công ty kiểm toán độc lập “Công ty TNHH PKF Việt Nam” kiểm toán, số liệu trong báo cáo tài chính năm 2022 đã được BKS Công ty thẩm định xác nhận phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2022; kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Thống nhất các nội dung và ý kiến của Kiểm toán độc lập tại biên bản kết luận kiểm toán của Công ty TNHH PKF Việt Nam.

4.3. Báo cáo đề nghị lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

Ban kiểm soát Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty và ủy quyền cho HĐQT thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Danh sách các tổ chức kiểm toán gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam.
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

III. Chủ tọa Đại hội đã điều hành việc thảo luận và biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty đã trình bày

III.1. Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo hoạt động SXKD năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 với kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành :..... phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu trắng không có.

Báo cáo hoạt động SXKD năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

III.2. Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo tài chính đã được qua kiểm toán năm 2022 với kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành :..... phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu trắng không có.

Báo cáo tài chính đã được qua kiểm toán năm 2022 đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

III.3. Thảo luận và biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022 với kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành :.....phiếu, bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu trắng không có.

Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022 đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

III.4. Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS, tiền lương của Người quản lý Công ty năm 2022; chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2022; đề xuất tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS, tiền lương và phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2023 với kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành :phiếu, bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không tán thành :..... phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu trắng không có.

Báo cáo tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS, tiền lương người quản lý Công ty năm 2022; chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2022; đề xuất tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS, tiền lương của người quản lý Công ty và phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2023 đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

III.5. Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 với kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành : phiếu, bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu trắng không có.

Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

III.6. Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan năm 2022 và kế hoạch năm 2023 với kết quả biểu quyết:

a) Kết quả biểu quyết lần 1 (khi cổ đông TKV tham gia biểu quyết)

- Tổng số phiếu tán thành : phiếu, bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu trắng không có.

b) Kết quả biểu quyết lần 2 (khi cổ đông TKV không tham gia biểu quyết)

- Tổng số phiếu tán thành : phiếu, bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu trắng không có.

Báo cáo thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

III.7. Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2022; báo cáo tự đánh giá hoạt động của BKS năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023; báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 với kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu tán thành :..... phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu trắng không có.

Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2022; báo cáo tự đánh giá hoạt động của BKS năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

III.8. Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo đề nghị lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán với kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành : phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu trắng không có.

Báo cáo đề nghị lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

IV. Thông qua Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin năm 2023

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Trung Thành, Thư ký Đại hội trình bày Nghị quyết, Biên bản Đại hội và biểu quyết thông qua với kết quả:

- Tổng số phiếu tán thành :.....phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu trắng không có.

Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin năm 2023 đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

Đại hội kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Trung Thành

Trần Thế Thành

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Các thành viên BGD Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT, Ph(.....).

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Cầm Phả, ngày 06 tháng 5 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU-VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin đã được sửa đổi, bổ sung và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 22/4/2021;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu -Vinacomin năm 2023 họp ngày 06/5/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin, bao gồm:

1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022, gồm các chỉ tiêu chính sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2022				
			KẾ HOẠCH ĐẦU NĂM	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ % SO VỚI	
						KH ĐẦU NĂM	KHĐC
1	Đất đá bóc xúc	M ³	22.230.000	15.450.000	15.471.816	69,60	100,14
2	Than sản xuất	Tấn	3.000.000	2.200.000	2.355.523	78,52	107,07
a	Than khai thác bóc vỉa	Tấn	1.900.000	1.200.000	1.201.796	63,25	100,15
b	Than sạch từ ĐDLT	Tấn	1.100.000	1.000.000	1.153.727	104,88	115,37
3	Hệ số bóc đất sản xuất	M ³ /tấn	11,70	12,88	12,87	110,00	99,92
4	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	2.980.000	2.512.000	2.544.079	85,37	101,28
5	Doanh thu tổng số	Tr.đ	3.153.614	3.239.426	3.249.216	103,03	100,30
-	Trong đó: D.thu than	Tr.đ	3.153.614	3.239.426	3.225.665	102,28	99,58
6	Giá trị đầu tư XDCB	Tr.đ	16.633	12.221	10.265	61,71	84,0
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	24.616	47.911	2.170	8,82	4,53
8	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/tháng	9.902	10.878	8.828	89,15	81,15

1.2. Phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2022, gồm các chỉ tiêu chính sau:

1.2.1. Mục tiêu chung: “An toàn - Phát triển - Hiệu quả”

1.2.2. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu năm 2023

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG
1	Đất đá bóc xức	M ³	17.800.000
2	Than nguyên khai	Tấn	1.510.000
3	Than sạch từ sản phẩm ngoài than	Tấn	400.000
4	Hệ số bóc	M ³ /tấn	11,79
5	Than tiêu thụ	Tấn	1.907.000
6	Doanh thu tổng số	Tr.đ	2.722.628
	Trong đó: Doanh thu than	Tr.đ	2.722.628
7	Kế hoạch đầu tư xây dựng	Tr.đ	12.534
8	Kế hoạch tuyển dụng lao động	Người	72
9	Tiền lương bình quân	1.000đ/người/tháng	10.253
10	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	40.389
11	Dự kiến chi trả cổ tức	%	≥ 3

Đại hội ủy quyền cho HĐQT, Ban điều hành Công ty căn cứ vào tình hình thực tế để điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2023 cho phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả, lợi ích của các cổ đông và Công ty.

Điều 2. Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

1. Tài sản ngắn hạn : 729,977 tỷ đồng.
2. Tài sản dài hạn : 690,095 tỷ đồng.
3. Tổng cộng tài sản : 1.420,072 tỷ đồng.
4. Nợ phải trả : 1.088,120 tỷ đồng.
5. Vốn chủ sở hữu : 331,952 tỷ đồng.
6. Tổng lợi nhuận sau thuế : 1,574 tỷ đồng.
7. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản
 - Khả năng thanh toán nợ đến hạn (lần) : 0,79.
 - Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH (lần) : 3,22.
 - Vòng quay vốn lưu động (DDT/VLĐ) (lần) : 4,34.
 - Vòng quy hàng tồn kho (DTT/HTK) (lần) : 7,84.
 - Chỉ tiêu về khả năng sinh lời
 - + Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE) (%) : 0,48.
 - + Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA) : 0,10.

Điều 3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2022	Đồng	2.170.007.588	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Đồng	40.811.061.184	
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Đồng	-40.215.043.411	
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022	Đồng	1.573.989.815	
5	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đồng	4.951.154.893	100
	<i>Trong đó:</i>			
	- Lợi nhuận từ năm trước chuyển sang	Đồng	3.377.165.078	68,21
	- Lợi nhuận năm nay	Đồng	1.573.989.815	31,79
5.1	Chia cổ tức	Đồng	0	
5.2	Lợi nhuận được trích bổ sung các quỹ	Đồng	0	
-	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	Đồng	0	
-	<i>Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp</i>	Đồng		
6	Lợi nhuận để lại chưa phân phối <i>(Công ty sẽ thực hiện phân phối sau khi được hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại)</i>	Đồng	4.951.154.893	100

Điều 4. Thông qua việc thực hiện chi trả tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS và tiền lương người quản lý Công ty năm 2022; chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2022; kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS, người quản lý Công ty và chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2023.

4.1. Tiền thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của người quản lý Công ty năm 2022; chi trả tiền phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2022

4.1.1. Tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2022

- 05 Thành viên HĐQT của Công ty : 236.880.000 đồng.

- 03 Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty : 160.080.000 đồng.

Tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT, BKS : 396.960.000 đồng.

Bảng chữ: (Ba trăm chín mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).

4.1.2. Chi trả tiền phụ cấp cho thành viên HĐQT độc lập năm 2022: 175.200.000 đồng.

4.1.3. Tiền lương của Người quản lý Công ty năm 2022: 1.854.811.000 đồng.

4.2. Kế hoạch chi trả thù lao, phụ cấp và các lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương của người quản lý Công ty năm 2023.

4.2.1 Mức chi trả tiền thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2023 được xác định như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao hàng tháng (VNĐ/người)
1	Chủ tịch HĐQT	25.700.000 x 20% = 5.140.000
2	Thành viên HĐQT	21.900.000 x 20% = 4.380.000
3	Trưởng ban Kiểm soát	22.900.000 x 20% = 4.580.000
4	Thành viên BKS	21.900.000 x 20% = 4.380.000

4.2.2. Thành viên HĐQT độc lập được chi trả phụ cấp tương đương mức tiền lương của thành viên HĐQT hoạt động chuyên trách là 21.900.000 đồng/người/tháng.

4.2.3. Người quản lý Công ty được hưởng mức lương theo kế hoạch như sau:

- Giám đốc điều hành Công ty : 24.700.000 đồng/người/tháng.
- Phó Giám đốc Công ty : 21.900.000 đồng/người/tháng.
- Kế Toán trưởng : 20.000.000 đồng/ người/tháng.

* **Phương thức chi trả:** Việc chi trả thù lao/phụ cấp/tiền lương của các thành viên HĐQT/HĐQT độc lập, BKS và người quản lý Công ty được tạm ứng 80% mức thù lao/phụ cấp/tiền lương của tháng đó; số còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm dựa trên kết quả SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của từng thành viên HĐQT, BKS, người quản lý Công ty theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 5. Thông qua báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2022; phương hướng nhiệm vụ năm 2023 (chi tiết như tài liệu kèm theo).

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty tổ chức triển khai thực hiện một số nội dung công việc sau:

a) Tiếp tục thực hiện các thủ tục quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình Mỏ than Cọc Sáu - Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - TKV theo đúng quy định của pháp luật.

b) Triển khai thực hiện phương án Tái cơ cấu Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin ngay sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Điều 6. Thông qua Báo cáo thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan năm 2022 và kế hoạch năm 2023, cụ thể như sau:

6.1. Trong năm 2022, Công ty ký các hợp đồng mua bán than và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh với Công ty Tuyển Than Cửa Ông - TKV, Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin là 02 đơn vị này là đơn vị trực thuộc TKV (TKV là cổ đông lớn sở hữu 65% vốn Điều lệ của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin) với tổng giá trị thực hiện giao dịch là 3.493.637.803.086 đồng, trong đó:

- Công ty Tuyển Than Cửa Ông – TKV : 1.673.489.868.657 đồng.
- Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin : 1.820.147.934.429 đồng.

Ngoài ra năm 2022, Công ty đã thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan với tổng giá trị thực hiện giao dịch là 892.245.083.404 đồng, trong đó:

TT	Tên đơn vị	Giá trị thực hiện giao dịch trong năm 2022 (đồng)
1	Công ty cổ phần Vật tư -TKV	784.642.236.471
2	Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin	24.424.155.791
3	Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin	386.933.760
4	Công ty cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	17.581.147.303
5	Công ty cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	581.636.000
6	Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Ưng Bí	4.579.676.142
7	Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin - Chi nhánh Vân Long	57.462.942.568
8	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	0
9	Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	0
10	Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin	731.499
11	Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin	2.585.623.870

6.2. Trong năm 2023, Công ty có chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch với các doanh nghiệp, cổ đông lớn và người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 27 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty như sau:

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC GIAO KẾT HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (nắm giữ 65% vốn điều lệ). Các Công ty trực thuộc gồm: (1) Công ty Tuyển Than Cửa Ông - TKV; (2) Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin.	Số 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội. MST: 5700100256	Mua bán than và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.	Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể; đối với các hợp đồng có giá trị cụ thể, giá trị giao dịch lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.
2	Công ty cổ phần Vật tư -TKV (Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty).	Phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700100707	Mua, bán xăng dầu, dầu nhờn, mỡ máy, các loại vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh	Giá trị của các hợp đồng giao dịch lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất của Công ty đã được kiểm toán gần nhất.
3	Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin (CT HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty; TBKS Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Thành viên BKS Công ty).	Tầng 8 Tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội. MST: 0103005779	Các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh theo danh mục ngành nghề kinh doanh trong Giấy phép kinh doanh của các Công ty.	Giá trị của các hợp đồng giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất của Công ty đã được kiểm toán gần nhất.

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC GIAO KẾT HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH
4	Công ty cổ phần Than Mông Dương-Vinacomin (Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty).	Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700101203	Như mục 3	Như mục 3
5	Công ty cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin (Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin là Chủ tịch HĐQT Công ty; TBKS Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin là TBKS Công ty).	Phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. MST: 57001011323	Như mục 3	Như mục 3
6	Công ty cổ phần Than Đèo Nai-Vinacomin (Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin là TBKS Công ty).	Phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. MST: 5700101299	Như mục 3	Như mục 3
7	Viện Khoa học Công nghệ Mỏ-Vinacomin (Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin là Kiểm soát viên của Viện).	Số 3 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. MST: 0100101594	Như mục 3	Như mục 3

- Thời hạn thực hiện các hợp đồng, giao dịch: Từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các hợp đồng, giao dịch nêu trên tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Điều 7. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát, gồm:

7.1. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2022; (ii) báo cáo tự đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 (chi tiết như tài liệu kèm theo).

7.2. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2022

- Căn cứ kết quả SXKD và báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty do Công ty kiểm toán độc lập “Công ty TNHH PKF Việt Nam” kiểm toán, số liệu trong báo cáo tài chính năm 2022 đã được BKS Công ty thẩm định xác nhận phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2022; kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Thống nhất các nội dung và ý kiến của Kiểm toán độc lập tại biên bản kết luận kiểm toán của Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Điều 8. Thông qua báo cáo đề nghị lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

Đại hội thống nhất phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty và ủy quyền cho HĐQT thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Danh sách các tổ chức kiểm toán gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam.
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

Điều 9. Điều khoản thi hành

9.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin năm 2023 đã được tiến hành công bằng và hợp pháp. Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin năm 2023 thông qua.

9.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhất trí giao quyền quản trị, kiểm soát, điều hành Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc điều hành Công ty tiến hành các công việc được thông qua trong Nghị quyết này, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp và phù hợp với quy định của Pháp luật.

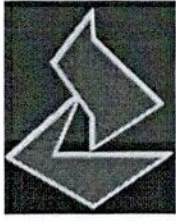
Nghị quyết này đã được thông qua toàn văn trước Đại hội và được sự tán thành của tất cả cổ đông tham dự Đại hội./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- Các thành viên Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, TCLĐ, Ph(.....).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Trần Thế Thành



CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỌC SÁU-VINACOMIN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ SỐ CỔ ĐÔNG:

- Họ và tên cổ đông:
- Số lượng cổ phần sở hữu :..... cổ phần.
- Số lượng cổ phần đại diện :..... cổ phần.
- Tổng số cổ phần: cổ phần =% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 1. Thông qua chương trình Đại hội; Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2023.			
Nội dung 2. Thông qua báo cáo hoạt động SXKD năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.			
Nội dung 3. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.			
Nội dung 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022.			
Nội dung 5. Thông qua báo cáo chi trả tiền thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, BKS và Người quản lý Công ty năm 2022; chi trả phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2022; đề xuất tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng của các thành viên HĐQT, BKS và người quản lý Công ty năm 2023 và phụ cấp đối với thành viên HĐQT độc lập năm 2023.			
Nội dung 6. Thông qua báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023.			
Nội dung 7. Thông qua báo cáo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và Người có liên quan năm 2022 và kế hoạch năm 2023.			
Nội dung 8. Thông qua báo cáo của BKS về (i) kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2022; (ii) báo cáo tự đánh giá hoạt động của BKS năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023; (iii) báo cáo Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022.			

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 9. Thông qua báo cáo đề nghị lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán.			
Nội dung 10. Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.			

Cầm Phả, ngày tháng 4 năm 2023

CỔ ĐÔNG

(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Cổ đông xác thực bằng việc đánh dấu (x) vào 01 (một) trong 03 (ba) ô tương ứng và nộp lại Phiếu biểu quyết cho Ban Tổ chức ngay sau khi Đại hội kết thúc.